

Số: 3266/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
và quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mới, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-BKHĐT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2024/TTr-SKHĐT ngày 07/12/2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 396/STP-KSTTHC ngày 02/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

1. Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Mục II, phần I, danh mục thủ tục hành chính (trang 02-03) và Mục II, phần II, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính (từ trang 53 đến trang 145) được ban hành kèm theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC-NgV. DN85

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**
(Kèm theo Quyết định số 3266 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		15
A1	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		15
1	T-BPC-283008-TT	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT)	15
2	T-BPC-283009-TT	Thẩm định điều chỉnh KHLCNT	22
3	T-BPC-283010-TT	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	24
4	T-BPC-283011-TT	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng).	26
A2	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KINH DOANH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ SỬ DỤNG VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN		32
1	T-BPC-282874-TT	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	32
2	T-BPC-282873-TT	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	42
3	T-BPC-282872-TT	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội	53
4	T-BPC-282871-TT	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	63
5	T-BPC-282865-TT	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	70
6	T-BPC-283006-TT	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư	79

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
7	T-BPC-282867-TT	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư)	87
8	T-BPC-282866-TT	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường hợp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư)	93
9	T-BPC-282864-TT	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường hợp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)	99
10	T-BPC-283007-TT	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường hợp thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)	106
11	T-BPC-282863-TT	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	112
12	T-BPC-282862-TT	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	116
13	T-BPC-282861-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	119
14	T-BPC-282860-TT	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	120
15	T-BPC-282858-TT	Giãn tiến độ đầu tư	121
16	T-BPC-282856-TT	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	125
17	T-BPC-282855-TT	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	129
18	T-BPC-282854-TT	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	132
19	T-BPC-282853-TT	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	134
20	T-BPC-282850-TT	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.	138
A3	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		143
I	Đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân		143
1	T-BPC-283012-TT	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	143
2	T-BPC-283013-TT	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, gồm: Thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính,	149

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
		ngành nghề kinh doanh, vốn đầu tư, thông tin người quản lý, thông tin đăng ký thuế	
3	T-BPC-283014-TT	Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng, cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	158
4	T-BPC-283015-TT	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	162
5	T-BPC-283016-TT	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	165
6	T-BPC-283017-TT	Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh	169
7	T-BPC-283018-TT	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	174
8	T-BPC-283019-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	178
9	T-BPC-283020-TT	Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	181
10	T-BPC-283021-TT	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	184
11	T-BPC-283022-TT	Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	187
12	T-BPC-283023-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy	190
13	T-BPC-283024-TT	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	193
14	T-BPC-283025-TT	Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	197
15	T-BPC-283026-TT	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	200
16	T-BPC-283027-TT	Thông báo giải thể doanh nghiệp	203
17	T-BPC-283028-TT	Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án	206
18	T-BPC-283029-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên	208

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
19	T-BPC-283030-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên	217
II	Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên		224
20	T-BPC-283031-TT	Đăng ký thành lập mới	224
21	T-BPC-283032-TT	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo ủy quyền của công ty có chủ sở hữu là tổ chức, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế	232
22	T-BPC-283033-TT	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	235
23	T-BPC-283034-TT	Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên	239
24	T-BPC-283035-TT	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	245
25	T-BPC-283036-TT	Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh	248
26	T-BPC-283037-TT	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	250
27	T-BPC-283038-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	252
28	T-BPC-283039-TT	Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	254
29	T-BPC-283040-TT	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	256
30	T-BPC-283041-TT	Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	258
31	T-BPC-283042-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	260
32	T-BPC-283043-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	267
33	T-BPC-283044-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị	273

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
		rách, bị thiêu hủy	
34	T-BPC-283045-TT	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	275
35	T-BPC-283046-TT	Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	277
36	T-BPC-283047-TT	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	279
37	T-BPC-283048-TT	Thông báo giải thể doanh nghiệp	281
38	T-BPC-283049-TT	Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án	283
39	T-BPC-283050-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên	285
40	T-BPC-283051-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần	287
III	Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên		296
41	T-BPC-283052-TT	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	296
42	T-BPC-283053-TT	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, thành viên, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế	298
43	T-BPC-283054-TT	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	312
44	T-BPC-283055-TT	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	314
45	T-BPC-283056-TT	Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh	316
46	T-BPC-283057-TT	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	318
47	T-BPC-283058-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	320
48	T-BPC-283059-TT	Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	322

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
49	T-BPC-283060-TT	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	324
50	T-BPC-283061-TT	Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	326
51	T-BPC-283062-TT	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	328
52	T-BPC-283063-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	330
53	T-BPC-283064-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy.	332
54	T-BPC-283065-TT	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	334
55	T-BPC-283066-TT	Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	336
56	T-BPC-283067-TT	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	338
57	T-BPC-283068-TT	Thông báo giải thể doanh nghiệp	340
58	T-BPC-283069-TT	Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án	342
59	T-BPC-283070-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên	344
60	T-BPC-283071-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần	352
IV	Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần		361
61	T-BPC-283072-TT	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	361
62	T-BPC-283073-TT	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế.	372
63	T-BPC-283074-TT	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	394

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
64	T-BPC-283075-TT	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	396
65	T-BPC-283076-TT	Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh	399
66	T-BPC-283077-TT	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	401
67	T-BPC-283078-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	403
68	T-BPC-283079-TT	Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	405
69	T-BPC-283080-TT	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	407
70	T-BPC-283081-TT	Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	409
71	T-BPC-283082-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	411
72	T-BPC-283083-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	413
73	T-BPC-283084-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy.	415
74	T-BPC-283085-TT	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	417
75	T-BPC-283086-TT	Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	419
76	T-BPC-283087-TT	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	421
77	T-BPC-283088-TT	Thông báo giải thể doanh nghiệp	423
78	T-BPC-283089-TT	Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án	425
79	T-BPC-283090-TT	Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ	427

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
80	T-BPC-283091-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên	430
81	T-BPC-283092-TT	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên	432
V	Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh		441
82	T-BPC-283093-TT	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	441
83	T-BPC-283094-TT	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, thành viên hợp danh, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế	449
84	T-BPC-283095-TT	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	461
85	T-BPC-283096-TT	Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh	464
86	T-BPC-283097-TT	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	466
87	T-BPC-283098-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	468
88	T-BPC-283099-TT	Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	470
89	T-BPC-283100-TT	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	472
90	T-BPC-283101-TT	Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	474
91	T-BPC-283102-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	476
92	T-BPC-283103-TT	Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	478
93	T-BPC-283104-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy	480

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
94	T-BPC-283105-TT	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	482
95	T-BPC-283106-TT	Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	484
96	T-BPC-283107-TT	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	486
97	-BPC-283108-TT	Thông báo giải thể doanh nghiệp	488
98	-BPC-283109-TT	Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án	490
VI	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất và công ty nhận sáp nhập		492
99	T-BPC-283110-TT	Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần	492
100	T-BPC-283111-TT	Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần	501
101	T-BPC-283112-TT	Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở hợp nhất một số công ty	510
102	T-BPC-283113-TT	Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần	519
103	T-BPC-283114-TT	Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần	521
104	T-BPC-283115-TT	Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở hợp nhất một số công ty	523
105	T-BPC-283116-TT	Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần	525
106	T-BPC-283117-TT	Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần	534
107	T-BPC-283118-TT	Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở hợp nhất một số công ty	543
108	T-BPC-283119-TT	Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần	552
109	T-BPC-283120-TT	Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần	559
110	T-BPC-283121-TT	Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở hợp nhất một số công ty	566
111	T-BPC-283122-TT	Đăng ký sáp nhập một hoặc một số công ty vào công ty khác	573
VII	Đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng.		575
112	T-BPC-283123-TT	Đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng	575

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
VIII	Đăng ký con dấu, công bố đăng ký doanh nghiệp		577
113	T-BPC-283124-TT	Thông báo sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện	577
114	T-BPC-283125-TT	Thông báo thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện	580
115	T-BPC-283126-TT	Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện	583
116	T-BPC-283127-TT	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp	586
IX	Đăng ký đối với liên hiệp hợp tác xã		590
117	T-BPC-282585-TT	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	590
118	T-BPC-282584-TT	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	597
119	T-BPC-282583-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	601
120	T-BPC-282567-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	608
121	T-BPC-282566-TT	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	614
122	T-BPC-282565-TT	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	617
123	T-BPC-282564-TT	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.	621
124	T-BPC-282563-TT	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	624
125	T-BPC-283128-TT	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	630
126	T-BPC-282572-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã do bị mất hoặc bị hư hỏng	633
127	T-BPC-282571-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã do bị mất hoặc bị hư hỏng	636
128	T-BPC-282561-TT	Cấp đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	639
129	T-BPC-283129-TT	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	642
130	T-BPC-282582-TT	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở chia	645
131	T-BPC-282575-TT	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở tách	652

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
132	T-BPC-282574-TT	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở hợp nhất	659
133	T-BPC-282573-TT	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở sáp nhập	695
X	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội		702
134	T-BPC-283130-TT	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	702
135	T-BPC-283131-TT	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	707
136	T-BPC-283132-TT	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	711
137	T-BPC-283133-TT	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	714
138	T-BPC-283134-TT	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	718
139	T-BPC-283135-TT	Thủ tục Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	721
140	T-BPC-283136-TT	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	724
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN:		726
B1	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH		726
1	T-BPC-283138-TT	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	726
2	T-BPC-283139-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh	730
3	T-BPC-283140-TT	Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh	733
4	T-BPC-283141-TT	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	736
5	T-BPC-283142-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	739
B2	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ		741
1	T-BPC-282559-TT	Đăng ký thành lập hợp tác xã	741
2	T-BPC-282557-TT	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã	750
3	T-BPC-282556-TT	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	755
4	T-BPC-283143-TT	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại	763

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
		huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trong địa bàn tỉnh).	
5	T-BPC-283144-TT	Đăng ký, thay đổi bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã	769
6	T-BPC-283145-TT	Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã	771
7	T-BPC-283146-TT	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh	773
8	T-BPC-283147-TT	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh khác	775
9	T-BPC-283148-TT	Đăng ký đổi tên hợp tác xã	777
10	T-BPC-283149-TT	Đăng ký thay đổi số lượng xã viên hợp tác xã	779
11	T-BPC-283150-TT	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã	782
12	T-BPC-283153-TT	Đăng ký thay đổi danh sách Ban Quản trị hợp tác xã	784
13	T-BPC-283156-TT	Đăng ký thay đổi Ban Kiểm soát hợp tác xã	787
14	T-BPC-283159-TT	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã	789
15	T-BPC-283162-TT	Đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi	791
16	T-BPC-282552-TT	Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia, tách	793
17	T-BPC-282553-TT	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã hợp nhất	795
18	T-BPC-282551-TT	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã sáp nhập	797
19	T-BPC-282550-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	799
20	T-BPC-282549-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (đối với trường hợp bị mất).	802
21	T-BPC-282548-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với trường hợp bị hỏng)	805
22	T-BPC-282543-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	808
23	T-BPC-282540-TT	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	814
24	T-BPC-282539-TT	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	818
25	T-BPC-	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa	821

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
	282538-TT	điểm kinh doanh của hợp tác xã	
26	T-BPC-282536-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	828
B3	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		831
1	T-BPC-283163-TT	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	831
2	T-BPC-283164-TT	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện	839
3	T-BPC-283165-TT	Thanh lý tài sản Nhà nước	853
4	T-BPC-283166-TT	Bán đấu giá tài sản thanh lý	855
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: Không có		

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CỦA CỬA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

1. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT). Mã số hồ sơ: T-BPC-283008-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, sau khi thẩm định Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt KHLCNT theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt KHLCNT.

- Bước 2: Chủ đầu tư căn cứ vào Quyết định phê duyệt KHLCNT để triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Tờ trình phê duyệt KHLCNT. 02 bản (bản chính).

+ Quyết định phê duyệt dự án (đối với dự án đầu tư) hoặc quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí (đối với dự án quy hoạch).

+ Hồ sơ dự án được phê duyệt (đối với dự án có cấu phần xây dựng).

+ Quyết định phê duyệt dự toán và hồ sơ dự toán được phê duyệt (trường hợp đã phê duyệt dự toán).

+ Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án. 02 bản

+ Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Tờ trình phê duyệt KHLCNT (ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT) .

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Báo cáo thẩm định (đối với trường hợp UBND tỉnh phê duyệt)

- Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT không đủ điều kiện để phê duyệt).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013:

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]**
Số: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: ____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: ____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ ____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang <i>Bảng số 5</i>]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị___*[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án:___*[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số___ ngày___tháng___năm___)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	<i>Quyết định số__ của__ về việc phê duyệt dự án__</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định số__ của__ về việc phê duyệt dự toán__</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1</i>	<i>Bản chụp</i>
...		
<i>n</i>		

2. Thẩm định điều chỉnh KHLCNT. Mã số hồ sơ: T-BPC-283009-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, sau khi thẩm định Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT.

- Bước 2: Chủ đầu tư căn cứ vào Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT để triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt điều chỉnh KHLCNT. 02 bản (bản chính).

+ Quyết định phê duyệt KHLCNT (đã phê duyệt trước đó). 02 bản

+ Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc điều chỉnh KHLCNT (như quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán,...). 02 bản.

+ Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án (nếu có). 02 bản

+ Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Báo cáo thẩm định (đối với trường hợp UBND tỉnh phê duyệt)

- Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT điều chỉnh không đủ điều kiện để phê duyệt).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013:

- Nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKH ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

3. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng. Mã số hồ sơ: T-BPC-283010-TT

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, sau khi thẩm định Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt dự án.

- **Bước 2:** Chủ đầu tư căn cứ vào Quyết định phê duyệt dự án để triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. 02 bản
- Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền. 02 bản
- Hồ sơ dự án. 07 bộ
- Báo giá thiết bị, hàng hóa hoặc kết quả thẩm định giá (trường hợp chủ đầu tư đã tổ chức thẩm định giá thiết bị, hàng hóa). 02 bản
- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến dự án (nếu có). 02 bản
- Các tài liệu, văn bản pháp quy, hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có). 02 bản

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Dự án nhóm B: 30 ngày làm việc.
- Dự án nhóm C: 20 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

h) Phí, lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định hoặc văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và - Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003;

- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính quy định Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

4. Thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng). Mã số hồ sơ: T-BPC-283011-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, sau khi thẩm định Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt dự án.

- Bước 2: Chủ đầu tư căn cứ vào Quyết định phê duyệt dự án để triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

+ Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.

+ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

+ Kết quả thẩm định dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

+ Báo cáo của MTTQ Việt Nam cấp tương ứng (cấp tỉnh, cấp huyện) tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2, Điều 82 của Luật Đầu tư công.

+ Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến dự án (nếu có).

+ Các tài liệu, văn bản pháp quy, hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Dự án nhóm B: 20 ngày làm việc.

- Dự án nhóm C: 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định hoặc văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 10/5/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên
quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
.....

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):
.....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tên người đại diện

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
.....
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
.....
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

9. Các thông tin khác có liên quan:

.....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

A2. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KINH DOANH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ SỬ DỤNG VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:

1. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282874-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức đi khảo sát thực địa vị trí dự kiến thực hiện dự án; trường hợp dự án không cần phải tổ chức đi khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan trong thời hạn 02 ngày làm việc.

(Các trường hợp không đi khảo sát gồm: Trường hợp mở rộng diện tích thực hiện dự án mà không làm thay đổi quy mô, công suất; dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đi khảo sát thực địa hoặc nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, các đơn vị liên quan có ý kiến những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành và gửi kết quả bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng quản lý chuyên môn

và ý kiến thẩm định dự án của các đơn vị liên quan, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp không chấp thuận có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 5.

- Bước 6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư (*đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;
- + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;
- + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;
- + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;
- + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;
- + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.
- **Số lượng hồ sơ:** 04 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bao gồm thời gian Quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân, thực hiện dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 33 Luật Đầu tư 2014.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản từ chối Quyết định chủ trương đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Đầy đủ thành phần hồ sơ, kết quả thẩm định dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC I
Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:// Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:// Ngày hết hạn:// Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
 Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

 Ngày cấp: Cơ quan cấp:
 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Sinh ngày:// Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp:// Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –
Ban hành theo Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...)và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu(nếu có)

2. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282873-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung:

+ Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).

+ Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước và nhà đầu tư.

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 6.

- Bước 7: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

+ Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

+ Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường.

+ Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 49 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan; đề nghị trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân, thực hiện dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 31, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản từ chối Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Luật đầu tư, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

k1) Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

- Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

- Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

- Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

- Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí;

- Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;

- Sản xuất thuốc lá điếu;

- Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;

- Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

k2) Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

k3) Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC I

Mẫu I.1

(Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:
.....

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam*):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (*đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế*)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

--	--	--	--	--

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư *(tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo)*.
- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu *(nếu có)*

Mẫu I.2
(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –
Ban hành theo Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu(nếu có)

**3. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền
Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội. Mã số hồ sơ: T-BPC282872-
TT**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.

- Bước 4: Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

- Bước 5: Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

- Bước 6: Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của

tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

+ Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

+ Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

+ Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án;

+ Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 08 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Theo Chương trình làm việc của Quốc hội

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ;

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước;

+ Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định;

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) thực hiện các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) thực hiện các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể:

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo pháp luật về đầu tư công, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

k1) Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

- Nhà máy điện hạt nhân;
- Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

k2) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

k3) Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

k4) Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC I
Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng

nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –
Ban hành theo Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...)và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu(nếu có)

4. Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282871-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước về điều chỉnh một hoặc một số nội dung sau:

- + Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;
- + Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;
- + Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, các đơn vị liên quan có ý kiến những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành và gửi kết quả bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh trình UBND tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 5.

- Bước 6: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh cho nhà đầu tư (Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;
- + Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;
- + Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư;

+ Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 04 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định; thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân, có dự án thuộc trường hợp UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, thuộc diện cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (*Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Nhà đầu tư trong nước (cá nhân, tổ chức) có dự án đầu tư được UBND cấp tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp:

- Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

- Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục hành chính này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời

điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư -
Ban hành theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...
Nhà đầu tư
 Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
 đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

5. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282865-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp:

+ Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;

+ Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

+ Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có)..

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung liên quan đến nội dung điều chỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 6.

- Bước 7: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

- + Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;
- + Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư);
- + Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 08 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 44 ngày kể từ ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư trong nước (cá nhân, tổ chức) có dự án đầu tư được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (*Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Đầy đủ thành phần hồ sơ, kết quả thẩm định nội dung điều chỉnh dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư -
Ban hành theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...
Nhà đầu tư
 Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
 đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư -
Ban hành theo Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận
đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ
trương đầu tư)*

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc
mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng
nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ (kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

6. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC- 283006-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;
 - + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;
 - + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
 - + Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho đề xuất dự án đầu tư.
 - + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;
- Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;
- + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;
 - + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, 4 Điều 36 Luật Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Đầy đủ thành phần hồ sơ, kết quả thẩm định nội dung dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư..
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC I
Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam*):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (*đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế*)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.3

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Ban hành theo Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

- a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.
- b) Vốn lưu động: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...*) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án(*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu(nếu có)

7. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282867-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;
- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;
- Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư;
- Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư liên quan đến các nội dung điều chỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức, có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh một hoặc một số nội dung không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau và không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng;
- + Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư;
- + Vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;
- + Thời hạn hoạt động của dự án;
- + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư;
- + Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có);
- + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

- Có hồ sơ hợp lệ;

- Nội dung điều chỉnh không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp dự án có mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Ban hành theo Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ (kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

8. Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường hợp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư). Mã số hồ sơ: T-BPC282866-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư.

+ Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có).

+ Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

+ Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Ban hành theo Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ (kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

9. Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường hợp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh). Mã số hồ sơ: T-BPC282864-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Bước 4: Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 5.

- Bước 6: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

- Thông qua hệ thống bưu điện;

- Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư.

+ Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có).

+ Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

+ Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 04 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định và thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật đầu tư.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam..

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư -
Ban hành theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...
Nhà đầu tư
 Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
 đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Ban hành theo Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

10. Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (đối với trường thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ). Mã số hồ sơ: T-BPC- 283007-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Bước 4: Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

- Bước 6: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Ghi chú: Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ thực hiện đến bước thứ 6.

- Bước 7: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

b) Cách thức thực hiện TTHC: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư.

+ Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu

khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có).

+ Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

+ Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 08 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Thủ tướng Chính phủ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (thay đổi nhà đầu tư).

- Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư -
Ban hành theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế
Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

11. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. Mã số hồ sơ: T-BPC-282863-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư;

+ Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế) làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Thực hiện thủ tục này trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Ban hành theo Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm
Nhà đầu tư
Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

12. Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài. Mã số hồ sơ: T-BPC-282862-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.

- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức).

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh).

i) Lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.7

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Ban hành theo Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

13. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-282861-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp lại).

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Nhà đầu tư bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

14. Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-282860-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hiệu đính thông tin).

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Đối với dự án đầu tư có yêu cầu cấp lại, hiệu đính thông tin

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

15. Giãn tiến độ đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-282858-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất giãn tiến độ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, gồm các nội dung sau:

+ Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

+ Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

+ Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

+ Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

- Bước 3: Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện theo thủ tục tương ứng về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư mà không thực hiện theo thủ tục này.

b) Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

+ Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

+ Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

+ Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

+ Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đề nghị giãn tiến độ đầu tư (tiền độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Nhà đầu tư giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư so với tiến độ quy định tại cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu I.9

Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư
(Ban hành theo Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIẤN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời gian giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

16. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-282856-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và ghi nhận tình trạng chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

b) Cách thức thực hiện TTHC: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư:

+ Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;

+ Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

* Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư):

+ Thông báo của nhà đầu tư;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

+ Điều lệ hoặc hợp đồng trong trường hợp điều lệ hoặc hợp đồng ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Ngay khi tiếp nhận.

đ) Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư chấm dứt hoạt động thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;

+ Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng;

+ Dự án hết thời hạn hoạt động.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo Mẫu I.11 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Có hồ sơ hợp lệ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.11

Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư
(Ban hành theo Điểm a, b và c, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

1. Tình hình hoạt động của dự án

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): *lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,*

IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.....

2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

17. Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã số hồ sơ: T-BPC-282855-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành;
- + Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành;
- + Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;
- + Bản sao hợp đồng BCC.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành theo Mẫu I.5 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Nhà đầu tư bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu I.5

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành
(Ban hành theo Điểm a Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Tên văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp (lần đầu):

4. Cơ quan cấp:

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Mục tiêu dự án:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ văn phòng (ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành (ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):

4. Thời hạn hoạt động (ghi số năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo):

2. Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,.....).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

18. Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã số hồ sơ: T-BPC-282854-TT

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi đặt văn phòng điều hành.

-Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;

+ Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;

+ Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;

+ Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế;

+ Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội;

+ Xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Bản sao hợp đồng BCC.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) có văn phòng điều hành trong hợp đồng BCC quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

19. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Mã số hồ sơ: T-BPC-282853-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định lại nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương tiếp tục có hiệu lực.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Có hồ sơ hợp lệ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.12

(Ban hành theo Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu))*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... đã cấp):

.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

20. Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-282850-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài và thông báo cho nhà đầu tư để nhà đầu tư thực hiện thủ tục thay đổi cổ đông, thành viên theo quy định của pháp luật. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc thông qua hệ thống bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài sau khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế;

+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

- Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tăng từ dưới 51% lên 51% trở lên;

- Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư đang từ 51% trở lên tăng lên mức cao hơn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Đối với bước đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp: Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 22 của Luật đầu tư.

- Đối với bước thay đổi thành viên, cổ đông: Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu I.4

(Ban hành theo Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố.....

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp vào(tên tổ chức kinh tế)....với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Tên tổ chức kinh tế:

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp lần đầu:

3. Loại hình doanh nghiệp:

4. Địa chỉ trụ sở chính:(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)

6. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

7. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

III. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN VỐN GÓP/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ.

2. Tỷ lệ sở hữu:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC)

(*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

IV. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (nếu có).

(Giải trình về đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế)

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 26 Luật đầu tư (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

A3. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, DOANH NGHIỆP XÃ HỘI, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ:

I. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân. Mã số hồ sơ: T-BPC-283012-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân;

+ Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân (theo Phụ lục I-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Phụ lục I-1

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:// Ngày hết hạn:// Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất*).

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn đầu tư:

Tổng số (*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

Trong đó:

- Đồng Việt Nam:

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:

- Vàng:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư

kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật:

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*):

5. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	<p>Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (<i>nếu có</i>):</p> <p>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):</p> <p>Điện thoại:</p> <p>Họ và tên Kế toán trưởng:</p> <p>Điện thoại:</p>
2	<p>Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>):</p> <p>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:</p> <p>Xã/Phường/Thị trấn:</p> <p>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:</p> <p>Tỉnh/Thành phố:</p> <p>Quốc gia:</p> <p>Điện thoại:Fax:</p> <p>Email:</p>
3	<p>Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....</p>
4	<p>Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):</p> <p>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></p> <p>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></p>
5	<p>Năm tài chính:</p> <p>Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/.....</p> <p>(<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)</p>
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):

	Tài khoản ngân hàng:
	Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Giá trị gia tăng</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Tiêu thụ đặc biệt</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Thuế xuất, nhập khẩu</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Tài nguyên</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Thu nhập doanh nghiệp</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Môn bài</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Tiền thuê đất</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Phí, lệ phí</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Thu nhập cá nhân</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Khác</div> <input type="checkbox"/> </div>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ² :

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh, không là thành viên công ty hợp danh;
- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Các giấy tờ gửi kèm:

(*Ký và ghi họ tên*)³

-.....

-.....

-.....

² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

³ Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

2. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, gồm: Thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn đầu tư, thông tin người quản lý, thông tin đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283013-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-1

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

1. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)⁴:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ của công ty, tỷ lệ vốn góp	<input type="checkbox"/>

2. Doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)⁵:

Nội dung thông báo thay đổi	Đánh dấu
- Ngành, nghề kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo ủy quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần	<input type="checkbox"/>
- Thông tin cổ đông sáng lập công ty cổ phần	<input type="checkbox"/>
- Thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài	<input type="checkbox"/>
- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Thông tin đăng ký thuế	<input type="checkbox"/>

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

3. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

^{4, 2} Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm.

⁵

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài mới (*nếu có*):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt mới (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất*).

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/ THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ mới:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập công ty cổ phần/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài công ty cổ phần/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-7, Phụ lục I-8, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên, cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên, danh sách cổ đông không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên, cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành

4

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký:
Vốn đầu tư sau khi thay đổi:
Thời điểm thay đổi vốn:
Hình thức tăng, giảm vốn:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... <i>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
5	Tổng số lao động:
6	Có hoạt động theo dự án BOT, BTO, BT không? (có/không):
7	Đăng ký xuất khẩu:
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵ :

⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

4. Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

3. Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng, cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích. Mã số hồ sơ: T-BPC-283014-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân.
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người mua, người được tặng, cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*).
 - + Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (theo Phụ lục II-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-3

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Tặng cho doanh nghiệp tư nhân

☐

Chủ doanh nghiệp chết, mất tích

☐

Bán doanh nghiệp tư nhân

☐

1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại (*trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này*):

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
 Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO / CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN⁷
NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI MUA
(Ký, ghi họ tên)⁶ *(Ký, ghi họ tên)*

Các giấy tờ gửi kèm:

-

⁶ Người được tặng cho/Người được thừa kế/Người mua ký trực tiếp vào phần này.

⁷ Không có phần nội dung này trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích. Trong các trường hợp khác, chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

4. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283015-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang*
Website: dangkykinhdoanh.gov.vn

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)⁸

⁸ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

5. Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Mã số hồ sơ: T-BPC-283016-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân;
- + Bản sao hợp lệ của hợp đồng cho thuê doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân (theo Phụ lục II-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-6

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI THUÊ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)⁹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)¹⁰

Các giấy tờ gửi kèm:

- Bản sao hợp lệ của Hợp đồng cho thuê;

-

6. Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283017-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh;
- + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
- + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-11

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
2	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <div>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></div> <div>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></div>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/.....

	(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
5	Tổng số lao động:
6	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):.....
7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div> Giá trị gia tăng Tiêu thụ đặc biệt Thuế xuất, nhập khẩu Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác </div> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> </div>
10	Ngành, nghề kinh doanh/Nội dung hoạt động chính ¹¹ :

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm: **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH¹²**

-.....

(Ký, ghi họ tên)

-.....

¹¹ Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại mục 3 dự kiến là nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.

¹² Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư này và ký trực tiếp vào phần này.

7. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283018-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-12 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-12

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): cấp ngày:...../...../.....

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh*):

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn: /..... /..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)¹³

8. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283019-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Wesibe:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-13 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC;

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-13

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/ văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI
NHÁNH**

(Ký, ghi họ tên)¹⁴

Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

9. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283020-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang [Website: dangkykinhdoanh.gov.vn](http://dangkykinhdoanh.gov.vn)

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại

diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-14 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-14

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đề nghị hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:

.....
- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hiện nay là:

.....
Do vậy, đề nghị Quý Phòng hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

(Ký, ghi họ tên)¹⁵

10. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283021-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-16 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-16

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện nay là: ..

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (Giấy chứng nhận) hiện nay là:

Do vậy, đề nghị Quý Phòng bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trên Giấy chứng nhận mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹⁶

11. Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283022-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (theo Phụ lục II-

17 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-17

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam đối với những ngành, nghề mà doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh như sau¹⁷:

STT	Tên ngành	Mã ngành

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)¹⁸

¹⁷

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

- Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

¹⁸ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

12. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy. Mã số hồ sơ: T-BPC-283023-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-20 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-20

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng
nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa
điểm kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI**

ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên)¹⁹

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

13. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283024-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động; Giấy xác nhận doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-21 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-21

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày....tháng....năm..... cho đến ngày....tháng....năm.....

Lý do tạm ngừng:

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ... cho đến ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: ...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Lý do tạm ngừng:

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Do Phòng Đăng ký kinh doanh:

cấp ngày:/...../.....

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh từ ngày....tháng....năm.....
 b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:
 Đăng ký tiếp tục hoạt động từ ngày....tháng....năm..... đối với chi
 nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:
 Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in
 hoa)
 Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: ...
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp không có mã số chi
 nhánh/mã số thuế):
 Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh
 doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):
 Tên chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã
 số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Do Phòng Đăng ký kinh doanh:
 cấp ngày:/...../.....
 Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách
 nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:
 -.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA DOANH NGHIỆP/
 NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
 (Ký, ghi họ tên)²⁰

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.
 - Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

14. Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283025-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Quyết định của chủ doanh nghiệp về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- + Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
- + Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-22 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-22

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Do Phòng Đăng ký kinh doanh:
cấp ngày:/...../.....

Doanh nghiệp cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm: **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI**

-.....
ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH

-.....
(Ký, ghi họ tên)²¹

15. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283026-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-23 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-23

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): cấp ngày:...../...../.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)²²

16. Thông báo giải thể doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283027-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang [Website: dangkykinhdoanh.gov.vn](http://Website:dangkykinhdoanh.gov.vn)
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Quyết định giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố về giải thể doanh nghiệp;
- + Thông báo giải thể doanh nghiệp;
- + Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
- + Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo giải thể doanh nghiệp

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể doanh nghiệp (theo Phụ lục II-24 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-24

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp gửi Quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Quyết định giải thể số:ngày/...../.....

Lý do giải thể:

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của doanh nghiệp (nếu có) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
DOANH NGHIỆP**

-

(Ký, ghi họ tên)²³

17. Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án. Mã số hồ sơ: T-BPC-283028-TT

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án;
- + Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

18. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283029-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp thành viên là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;
- + Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;
- + Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;

+ Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- | | |
|--|--------------------------|
| Thành lập mới | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi | <input type="checkbox"/> |

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh²⁴ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do:cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật²⁵:

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>):

²⁵ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ²⁶ :

²⁶ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Các giấy tờ gửi kèm:

CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi họ tên)²⁷

-.....

-.....

-.....

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (<i>bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)²⁸

19. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283030-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý;
- + Danh sách thành viên công ty;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;
- + Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;
- + Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;

+ Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-3

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên với nội dung như sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

☐ Email:Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh²⁹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

--	--	--

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật³⁰:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng:

³⁰

Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

	Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ³¹ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

³¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với
doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh
doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và
được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực
của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách thành viên công ty;

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)³²

Phụ lục I-6

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³⁵	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ³³ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ³⁴				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³⁶

³³ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

³⁴ Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

³⁵ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³⁶ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

II. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

20. Đăng ký thành lập mới. Mã số hồ sơ: T-BPC-283031-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là cá nhân:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là tổ chức:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).
- + Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương

khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh³⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư

kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật³⁸:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

³⁸ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>

11	Ngành, nghề kinh doanh chính ³⁹ :
----	--

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁴⁰

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

³⁹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

⁴⁰ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (<i>bảng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴¹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

21. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo ủy quyền của công ty có chủ sở hữu là tổ chức, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế.
Mã số hồ sơ: T-BPC-283032-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang wesibe: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ thay đổi tên doanh nghiệp:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty.

- Thành phần hồ sơ thay đổi tên địa chỉ trụ sở chính:

(1) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính trong phạm vi tỉnh

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty.

(2) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty;
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty.

- Thành phần hồ sơ thay đổi vốn điều lệ:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty.

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

- Thành phần hồ sơ thay đổi ngành nghề kinh doanh:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty.

- Thành phần hồ sơ thay đổi người đại diện theo ủy quyền của công ty có chủ sở hữu là tổ chức:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin về người quản lý doanh nghiệp:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

22. Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật. Mã số hồ sơ: T-BPC-283033-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty về thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo Phụ lục II-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi người đại diện theo pháp luật

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Người đại diện theo pháp luật cũ⁴²:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

2. Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi⁴³:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

⁴² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁴³

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/

CHỦ TỊCH CÔNG TY/

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi họ tên)³

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

³ Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty/Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng quản trị ký trực tiếp vào phần này.

23. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283034-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức:

+ Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên;

+ Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức; Danh sách người đại diện theo ủy quyền, bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền;

+ Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

+ Hợp đồng chuyển nhượng vốn hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn;

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

(2) Trường hợp thay đổi chủ sở hữu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước:

+ Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên;

+ Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ

chức; Danh sách người đại diện theo ủy quyền, bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền;

- + Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

- + Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty;

- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

(3) Trường hợp thay đổi chủ sở hữu do thừa kế:

- + Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên;

- + Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới;

- + Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế.

(4) Trường hợp tặng cho toàn bộ phần vốn góp:

- + Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên;

- + Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức; Danh sách người đại diện theo ủy quyền, bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền;

- + Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

- + Hợp đồng hợp đồng tặng cho phần vốn góp;

- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục II-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên như sau:

1. Thông tin chủ sở hữu cũ

a. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

..... Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

b. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

Tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

2. Thông tin chủ sở hữu mới

a. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:

Điện thoại: Fax:
Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:
Do: cấp/phê duyệt ngày / /

b. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày: / /

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA
CHỦ SỞ HỮU MỚI
(Ký, ghi họ tên)⁴⁴

CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA
CHỦ SỞ HỮU CŨ
(Ký, ghi họ tên)⁴⁵

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

⁴⁴ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.
⁴⁵ Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

24. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283035-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)⁴⁶

25. Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283036-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Thành phần hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh:

- + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 6 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

26. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283037-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-12 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

***Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 7 thuộc nhóm
lĩnh vực A3.I***

27. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283038-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-13 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 8 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

28. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283039-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn

phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-14 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 9 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

29. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283040-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-16 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 10 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

30. Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283041-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (theo Phụ lục II-17 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 11 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

31. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283042-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-18 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-18

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Do:cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

☐

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

☐

- Công ty cổ phần

☐

- Công ty hợp danh

☐

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

+ Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

+ Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

+ Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước:		
+ Vốn nhà nước		
+ Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

* Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

7. Người đại diện theo pháp luật⁴⁷ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

⁴⁷ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

8. Danh sách thành viên công ty⁴⁸ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách người đại diện theo ủy quyền³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm

10. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁴ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
5	Tổng số lao động:
6	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/>

⁴⁸ ^{3,4} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

	<div>Tiêu thụ đặc biệt</div> <div>Thuế xuất, nhập khẩu</div> <div>Tài nguyên</div> <div>Thu nhập doanh nghiệp</div> <div>Môn bài</div> <div>Tiền thuê đất</div> <div>Phí, lệ phí</div> <div>Thu nhập cá nhân</div> <div>Khác</div>	<div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div> <div><input type="checkbox"/></div>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵ :	

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

⁶ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

32. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283043-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-19

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt (*nếu có*):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác): ...

Do:cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	<p>Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>):</p> <p>Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:</p> <p>Xã/Phường/Thị trấn:</p> <p>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:</p> <p>Tỉnh/Thành phố:</p> <p>Điện thoại:Fax:</p> <p>Email:</p>
2	<p>Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):</p> <p>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></p> <p>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></p>
3	<p>Năm tài chính:</p> <p>Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/.....</p> <p>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</p>
4	Tổng số lao động:
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):.....
6	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
7	<p>Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):</p> <p>Tài khoản ngân hàng:</p> <p>Tài khoản kho bạc:</p>
8	<p>Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):</p> <p>Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/></p> <p>Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/></p> <p>Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/></p> <p>Tài nguyên <input type="checkbox"/></p> <p>Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Môn bài <input type="checkbox"/></p> <p>Tiền thuê đất <input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p>

	Phí, lệ phí	<input type="text"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="text"/>
	Khác	<input type="text"/>
9	Ngành, nghề kinh doanh/Nội dung hoạt động chính ⁴⁹ :	

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản⁵⁰ (kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này)

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁵¹ (kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18)

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

(Ký, ghi họ tên)

-.....

Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại mục 5 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính/nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.

⁵⁰ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁵¹ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

33. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy. Mã số hồ sơ: T-BPC-283044-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-20 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

34. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283045-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang *Website: dangkykinhdoanh.gov.vn*
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định của chủ sở hữu công ty.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động; Giấy xác nhận doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-21 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 13 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

35. Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283046-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

+ Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;

+ Quyết định của chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

+ Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

+ Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:

+ Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-22 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 14 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

36. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283047-TT

a) Trình tự thực hiện;

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-23 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 15 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

37. Thông báo giải thể doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283048-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo giải thể doanh nghiệp;
 - + Quyết định của chủ sở hữu về giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố về giải thể doanh nghiệp;
 - + Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp;
 - + Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
 - + Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo giải thể doanh nghiệp

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể doanh nghiệp (theo Phụ lục II-24 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 16 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

38. Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án. Mã số hồ sơ: T-BPC-283049-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án;
- + Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc Nhóm lĩnh vực A3.I

39. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283050-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Danh sách thành viên;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;
- + Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc hợp đồng tặng cho đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho cá nhân hoặc tổ chức khác; Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

40. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283051-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc chuyển đổi công ty;
- + Danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;
 - Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.
- + Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư;

+ Trường hợp chuyển đổi do nhận thừa kế thì hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện
theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô
vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu
chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống
ngành kinh tế của Việt Nam):

⁵² - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện
theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo
Luật Đầu tư.

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có):

Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật⁵³:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

⁵³

Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Email: Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵⁴ :

⁵⁴

Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

--	-------

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁵⁵

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;
-
-

⁵⁵

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁵⁶								Thời điểm góp vốn	Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ⁵⁷	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần								
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông							
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

⁵⁶ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

⁵⁷ Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

*(Ký, ghi họ tên)*³

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁵⁸	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁵⁹								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁶⁰	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁵⁸ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁵⁹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

⁶⁰ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁶¹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

III. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VOWIC CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

41. Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283052-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

42. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, thành viên, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283053-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ thay đổi tên doanh nghiệp:
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên.
- Thành phần hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở chính:
 - (1) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính trong phạm vi tỉnh
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên.
 - * Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác.
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty;
 - + Danh sách thành viên
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên.
- Thành phần hồ sơ thay đổi thành viên:
 - (1) Trường hợp tiếp nhận thành viên mới
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên;
- + Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty;
- + Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân;
- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

(2) Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng;
- + Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân;
- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

(3) Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp của người thừa kế.

(4) Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn;
- + Danh sách các thành viên còn lại của công ty.

(5) Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;
- + Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy

tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân;

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

- Thành phần hồ sơ thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp:

(1) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên.

(2) Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên;

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

(3) Trường hợp giảm vốn điều lệ

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên;

+ Bản cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn;

+ Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.

- Thành phần hồ sơ thay đổi ngành, nghề kinh doanh:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin về người quản lý doanh nghiệp:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-1

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

1. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)⁶²:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ của công ty, tỷ lệ vốn góp	<input type="checkbox"/>

2. Doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)⁶³:

Nội dung thông báo thay đổi	Đánh dấu
-----------------------------	----------

⁶²

⁶³ ² Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm.

- Ngành, nghề kinh doanh ☐
- Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông sáng lập công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ☐
- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp ☐
- Thông tin đăng ký thuế ☐

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).*

3. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):*

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp ☐

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài mới (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt mới (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất*).

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ mới:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập công ty cổ phần/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài công ty cổ phần/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-7, Phụ lục I-8, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên, cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên, danh sách cổ đông không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên, cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành

4

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký:
Vốn đầu tư sau khi thay đổi:
Thời điểm thay đổi vốn:
Hình thức tăng, giảm vốn:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div>Hạch toán độc lập</div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px; margin-left: 10px;"></div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div>Hạch toán phụ thuộc</div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px; margin-left: 10px;"></div> </div>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... <i>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
5	Tổng số lao động:
6	Có hoạt động theo dự án BOT, BTO, BT không? (<i>có/không</i>):
7	Đăng ký xuất khẩu:
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div>Giá trị gia tăng</div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px; margin-left: 10px;"></div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div>Tiêu thụ đặc biệt</div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px; margin-left: 10px;"></div> </div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px; margin-left: 10px; margin-top: 5px;"></div>

	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="text"/>
	Tài nguyên	<input type="text"/>
	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="text"/>
	Môn bài	<input type="text"/>
	Tiền thuê đất	<input type="text"/>
	Phí, lệ phí	<input type="text"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="text"/>
	Khác	<input type="text"/>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵ :	

⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

4. Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁶⁶	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ⁶⁴ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁶⁵				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁶⁷

⁶⁴ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

⁶⁵ Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

⁶⁶ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁶⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

43. Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật. Mã số hồ sơ: T-BPC-283054-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;
 - + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo Phụ lục II-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

***Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC thuộc nhóm lĩnh vực
A3.II***

44. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283055-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 4 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

45. Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283056-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.
- **Thành phần hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh:**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 6 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

46. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283057-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện củ doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-12 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 7 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

47. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283058-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-13 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 8 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

48. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283059-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại

diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-14 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 9 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

49. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283060-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-16 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

***Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 10 thuộc nhóm
lĩnh vực A3.I***

50. Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283061-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (theo Phụ lục II-17 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 11 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

51. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283062-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-18 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 31 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

52. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283063-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 32 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

53. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy. Mã số hồ sơ: T-BPC-283064-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-

20 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

54. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283065-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên .
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động; Giấy xác nhận doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-21 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 13 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

55. Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283066-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:**
 - + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định của Hội đồng thành viên về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
 - + Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).
- **Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:**
 - + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-22 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 14 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

56. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283067-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-23 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 15 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

57. Thông báo giải thể doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283068-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo giải thể doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố về giải thể doanh nghiệp;
 - + Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp;
 - + Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
 - + Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo giải thể doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể doanh nghiệp (theo Phụ lục II-24 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 16 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

58. Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án. Mã số hồ sơ: T-BPC-283069-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án;
- + Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

59. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283070-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân hoặc bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo mô hình: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;
- + Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;
- + Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi loại hình công ty.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁶⁸ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

--	--	--

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật⁶⁹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng:

⁶⁹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

	Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁷⁰ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

⁷⁰ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với
doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm
kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và
được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực
của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷¹

⁷¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁷²

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

60. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283071-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi công ty;
- + Danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;
 - Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

+ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư;

- Trường hợp chuyển đổi loại do nhận thừa kế thì hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4), Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7), Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8), Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10) Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁷³ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật⁷⁴:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

⁷⁴

Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/>

	Khác	<input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁷⁵ :	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷⁶

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

⁷⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

⁷⁶ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁷⁷						Thời điểm góp vốn	Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ⁷⁸	Ghi chú	
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng					Giá trị

⁷⁷ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

⁷⁸ Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)³

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁷⁹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁸⁰								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁸¹	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁷⁹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁸⁰ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

⁸¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

IV. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

61. Đăng ký thành lập công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283072-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang* Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty;
- + Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài;
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức;
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email: Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁸² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

⁸² - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật⁸³:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

⁸³ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Email: Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	<p>Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có):</p> <p>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):</p> <p>Điện thoại:</p> <p>Họ và tên Kế toán trưởng:</p> <p>Điện thoại:</p>
2	<p>Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):</p> <p>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:</p> <p>Xã/Phường/Thị trấn:</p> <p>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:</p> <p>Tỉnh/Thành phố:</p> <p>Quốc gia:</p> <p>Điện thoại: Fax:</p> <p>Email:</p>
3	<p>Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....</p>
4	<p>Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):</p> <p>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></p> <p>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></p>
5	Năm tài chính:

	Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... <i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT <i>(có/không)</i> :
8	Đăng ký xuất khẩu <i>(có/không)</i> :
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp <i>(đánh dấu X vào ô thích hợp)</i> : <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div style="width: 60%;"> Giá trị gia tăng Tiêu thụ đặc biệt Thuế xuất, nhập khẩu Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác </div> <div style="width: 35%; text-align: center;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> </div>

11	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁸⁴ :

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁸⁵

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

⁸⁴ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

⁸⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁸⁶								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ⁸⁷	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
												Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

⁸⁶

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

⁸⁷

Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁸⁸	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁸⁹								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁹⁰	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁸⁸ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁸⁹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

⁹⁰ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁹¹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

62. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283073-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website:dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ thay đổi tên doanh nghiệp:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông.

- Thành phần hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở chính:

- (1) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính trong phạm vi tỉnh
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông.
- * Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.
- Thành phần hồ sơ thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp:**

- * Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Danh sách cổ đông sáng lập;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.
- * Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ phải có:
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần.
- * Trường hợp giảm vốn điều lệ
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Danh sách cổ đông sáng lập;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Bản cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn;
 - + Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.
- Thành phần hồ sơ thay đổi ngành, nghề kinh doanh:
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông.
- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài:
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Danh sách người đại diện theo ủy quyền.
- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin cổ đông sáng lập:
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Danh sách cổ đông sáng lập;
- * Trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập do cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - + Danh sách cổ đông sáng lập.

* Trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập do cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Danh sách thông tin của các cổ đông sáng lập khi đã thay đổi;
- + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;
- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

* Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức đã bị sáp nhập, bị tách hoặc hợp nhất vào doanh nghiệp khác. Trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Danh sách thông tin của các cổ đông sáng lập khi đã thay đổi;
- + Hợp đồng sáp nhập hoặc quyết định tách công ty hoặc hợp đồng hợp nhất doanh nghiệp;
- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

* Trường hợp tặng cho, thừa kế cổ phần

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Danh sách thông tin của các cổ đông sáng lập khi đã thay đổi;
- + Hợp đồng tặng cho cổ phần hoặc bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp;
- + Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông;
- + Danh sách các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khi đã thay đổi;
- + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;
- + Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với cổ đông nước ngoài nhận

chuyển nhượng là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công dân nước ngoài nhận chuyển nhượng là cá nhân;

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin về người quản lý doanh nghiệp:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-1

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

1. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau (*Đánh dấu X vào nội dung thay đổi*)⁹²:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ của công ty, tỷ lệ vốn góp	<input type="checkbox"/>

2. Doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau (*Đánh dấu X vào nội dung thay đổi*)⁹³:

Nội dung thông báo thay đổi	Đánh dấu
-----------------------------	----------

92

⁹² Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm.
93

- Ngành, nghề kinh doanh ☐
- Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông sáng lập công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ☐
- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp ☐
- Thông tin đăng ký thuế ☐

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).*

3. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):*

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp ☐

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài mới (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt mới (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ mới:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập công ty cổ phần/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài công ty cổ phần/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-7, Phụ lục I-8, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên, cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên, danh sách cổ đông không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên, cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành

4

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký:

Vốn đầu tư sau khi thay đổi:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> Hạch toán độc lập <input style="width: 40px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> Hạch toán phụ thuộc <input style="width: 40px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="checkbox"/> </div>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... <i>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
5	Tổng số lao động:
6	Có hoạt động theo dự án BOT, BTO, BT không? (<i>có/không</i>):
7	Đăng ký xuất khẩu:
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> Giá trị gia tăng <input style="width: 40px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> Tiêu thụ đặc biệt <input style="width: 40px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <input style="width: 40px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="checkbox"/> </div>

	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="text"/>
	Tài nguyên	<input type="text"/>
	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="text"/>
	Môn bài	<input type="text"/>
	Tiền thuê đất	<input type="text"/>
	Phí, lệ phí	<input type="text"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="text"/>
	Khác	<input type="text"/>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵ :	

⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

4. Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁹⁴								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ⁹⁵	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
												Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

⁹⁴

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

⁹⁵

Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁹⁶	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ⁹⁷								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁹⁸	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁹⁶ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁹⁷ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

⁹⁸ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁹⁹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

63. Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật. Mã số hồ sơ: T-BPC-283074-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;
 - + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo Phụ lục II-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 22 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

64. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283075-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹⁰⁰

65. Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283076-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.
- **Thành phần hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh:**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 6 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

66. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283077-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-12 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 7 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

67. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283078-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-13 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 8 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

68. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283079-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-14 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 9 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

69. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283080-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-16 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 10 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

70. Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283081-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (theo Phụ

lục II-17 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 11 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

71. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283082-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-18 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 31 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

72. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283083-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 32 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

73. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy. Mã số hồ sơ: T-BPC-283084-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-

20 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

74. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283085-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng quản trị.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động; Giấy xác nhận doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-21 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 13 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

75. Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283086-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Quyết định của Hội đồng quản trị về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- + Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
- + Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-22 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 14 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

76. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283087-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-23 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 15 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

77. Thông báo giải thể doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283088-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo giải thể doanh nghiệp;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố về giải thể doanh nghiệp;
 - + Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp;
 - + Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
 - + Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo giải thể doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể doanh nghiệp (theo Phụ lục II-24 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 16 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

78. Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án. Mã số hồ sơ: T-BPC-283089-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án;
- + Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

***Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm
lĩnh vực A3.I***

79. Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ. Mã số hồ sơ: T-BPC-283090-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ.
- + Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ.
- + Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Ý kiến phản hồi của Cơ quan đăng ký kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ (theo Phụ lục II-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chào bán cổ phần riêng lẻ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Địa chỉ trụ sở:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ như sau:

1. Tổng số cổ phần dự định chào bán: cổ phần

2. Các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại:

- Cổ phần: Số lượng: ...

- Cổ phần: Số lượng: ...

3. Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần:

- Thời điểm chào bán cổ phần: từ ngày tháng ... năm ...

- Hình thức chào bán cổ phần:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹⁰¹

Các giấy tờ gửi kèm:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;

- Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có)

80. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283091-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty;
- + Danh sách thành viên và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân;
 - Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.
- + Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.

- Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp do nhận thừa kế thì hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

81. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên. Mã số hồ sơ: T-BPC-283092-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định chủ sở hữu công ty về việc chuyển đổi công ty;
- + Bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân;
 - Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức.
 - Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.
- + Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.

- Trường hợp chuyển đổi loại do nhận thừa kế thì hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)..

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- | | |
|--|--------------------------|
| Thành lập mới | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi | <input type="checkbox"/> |

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁰² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

¹⁰²

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do:cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Hội đồng thành viên

☐

Chủ tịch công ty

☐

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (<i>bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật¹⁰³:

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:

¹⁰³ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

2	<p>Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>):</p> <p>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....</p> <p>Xã/Phường/Thị trấn:</p> <p>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:</p> <p>Tỉnh/Thành phố:</p> <p>Quốc gia:</p> <p>Điện thoại:Fax:</p> <p>Email:</p>
3	<p>Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....</p>
4	<p>Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):</p> <p>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></p> <p>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></p>
5	<p>Năm tài chính:</p> <p>Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/.....</p> <p>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</p>
6	<p>Tổng số lao động:</p>
7	<p>Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):</p>
8	<p>Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):</p>
9	<p>Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):</p> <p>Tài khoản ngân hàng:</p> <p>Tài khoản kho bạc:</p>
10	<p>Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):</p> <p>Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/></p> <p>Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/></p> <p>Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/></p> <p>Tài nguyên <input type="checkbox"/></p> <p>Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Môn bài <input type="checkbox"/></p>

	<div>Tiền thuê đất <input type="checkbox"/></div> <div>Phí, lệ phí <input type="checkbox"/></div> <div>Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/></div> <div>Khác <input type="checkbox"/></div>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁰⁴ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹⁰⁵

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

¹⁰⁴ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁰⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)¹⁰⁶

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

V. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH:

82. Đăng ký thành lập công ty hợp danh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283093-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp *trang* Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên công ty hợp danh.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:
 - Một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) đối với người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;
 - Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (theo Phụ lục I-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

-Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁰⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

¹⁰⁷

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....

4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... <i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-start;"> <div> Giá trị gia tăng Tiêu thụ đặc biệt Thuế xuất, nhập khẩu Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác </div> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> </div>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁰⁸ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất*):

¹⁰⁸ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Ký và ghi họ tên từng thành viên)¹⁰⁹

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹¹⁰

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

¹⁰⁹

Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

¹¹⁰

Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹¹²	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹¹¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹¹¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

¹¹² Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

83. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, thành viên hợp danh, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, ngành nghề kinh doanh, thông tin về người quản lý doanh nghiệp, thông tin đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283094-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ thay đổi tên doanh nghiệp:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh.

- Thành phần hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở chính:

(1) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính trong phạm vi tỉnh

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh.

(2) Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh;
- + Danh sách thành viên hợp danh.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thành viên hợp danh:

- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của thành viên hợp danh mới (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

- Thành phần hồ sơ thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp:

(1) Trường hợp đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên công ty hợp danh.

(2) Trường hợp giảm vốn điều lệ

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên công ty hợp danh;

+ Bản cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn;

+ Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.

- Thành phần hồ sơ thay đổi ngành nghề kinh doanh:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh;

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin về người quản lý doanh nghiệp:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Thành phần hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

-Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-1

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

1. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)¹¹³:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ của công ty, tỷ lệ vốn góp	<input type="checkbox"/>

2. Doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau (Đánh dấu X vào nội dung thay đổi)¹¹⁴:

Nội dung thông báo thay đổi	Đánh dấu
-----------------------------	----------

113

¹¹³ Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm.

114

- Ngành, nghề kinh doanh ☐
- Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức ☐
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông sáng lập công ty cổ phần ☐
- Thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ☐
- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp ☐
- Thông tin đăng ký thuế ☐

☐ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).*

3. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):*

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp ☐

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài mới (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt mới (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất*).

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ mới:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập công ty cổ phần/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài công ty cổ phần/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-7, Phụ lục I-8, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên, cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên, danh sách cổ đông không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên, cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành

4

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký:

Vốn đầu tư sau khi thay đổi:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN
VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... <i>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
5	Tổng số lao động:
6	Có hoạt động theo dự án BOT, BTO, BT không? (có/không):
7	Đăng ký xuất khẩu:
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁵ :

⁵ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

4. Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹¹⁶	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹¹⁵ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹¹⁵ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

¹¹⁶ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

84. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283095-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)¹¹⁷

85. Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283096-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);
 - + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.
- **Thành phần hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh:**
 - + Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 6 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

86. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-283097-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-12 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 7 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

87. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283098-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-13 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 8 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

88. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283099-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại

diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-14 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 9 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

89. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283100-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-16 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 10 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

90. Cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Mã số hồ sơ: T-BPC-283101-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (theo Phụ lục II-

17 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 11 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

91. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283102-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-18 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 31 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

92. Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: T-BPC-283103-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (theo Phụ lục II-

19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 32 thuộc nhóm lĩnh vực A3.V

93. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, bị rách, bị thiêu hủy. Mã số hồ sơ: T-BPC-283104-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-

20 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

94. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283105-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
 - + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động; Giấy xác nhận doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn; Giấy xác nhận chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-21 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 13 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

95. Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283106-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Quyết định của các thành viên hợp danh về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- + Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
- + Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thành phần hồ sơ chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục II-22 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 14 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

96. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: -BPC-283107-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo Phụ lục II-23 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 15 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

97. Thông báo giải thể doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: -BPC-283108-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Thông báo giải thể doanh nghiệp;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố về giải thể doanh nghiệp;
- + Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp;
- + Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
- + Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo giải thể doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể doanh nghiệp (theo Phụ lục II-24 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 16 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

98. Đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án. Mã số hồ sơ: -
BPC-283109-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án;
- + Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

VI. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY ĐƯỢC THÀNH LẬP TRÊN CƠ SỞ CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT VÀ CÔNG TY SÁP NHẬP:

99. Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283110-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là cá nhân.**
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
 - + Điều lệ công ty.
 - + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).
 - + Nghị quyết chia công ty theo quy định tại Điều 192 Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.
- **Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là tổ chức.**
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
 - + Điều lệ công ty.

+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

+ Nghị quyết chia công ty theo quy định tại Điều 192 Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô ☐ nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹¹⁸ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

118

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày:/...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày:/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật¹¹⁹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có):

¹¹⁹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

	Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹²⁰ :

¹²⁰

Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

- a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹²¹

¹²¹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

100. Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283111-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là cá nhân:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).
- + Nghị quyết tách công ty theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là tổ chức:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

+ Nghị quyết tách công ty theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹²² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND/CCCD*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do:cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê* nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Do:cấp/phê duyệt ngày...../...../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật¹²³:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

¹²³

Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (<i>có/không</i>):
8	Đăng ký xuất khẩu (<i>có/không</i>):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹²⁴ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

¹²⁴ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với
doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm
kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và
được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực
của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹²⁵

¹²⁵

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

101. Đăng ký công ty TNHH một thành viên trên cơ sở hợp nhất một số công ty. Mã số hồ sơ: T-BPC-283112-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang wesibe: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là cá nhân.

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).
- + Bản sao hợp đồng hợp nhất.
- + Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất.
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

- Thành phần hồ sơ đối với chủ sở hữu là tổ chức.

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên).

+ Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

+ Bản sao hợp đồng hợp nhất.

+ Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-2

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹²⁶ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Do: cấp/phê duyệt ngày: .../.../.....

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Người đại diện theo pháp luật¹²⁷:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

¹²⁷ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/>

	Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác	<div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹²⁸ :	

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)¹²⁹

¹²⁸ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹²⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số, VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

102. Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283113-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết chia công ty
- + Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc chia công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

103. Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283114-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết tách công ty.
- + Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tách công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

104. Đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở hợp nhất một số công ty. Mã số hồ sơ: T-BPC-283115-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang wesibe: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Bản sao hợp đồng hợp nhất.
- + Bản sao Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 19 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

105. Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283116-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết chia công ty.

+ Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện
theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹³⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật¹³¹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

¹³¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Email: Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/>

	Môn bài	<input type="checkbox"/>
	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>
	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹³² :	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trú sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹³³

¹³² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹³³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹³⁴								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ¹³⁵	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
												Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹³⁴

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

¹³⁵

Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹³⁶	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài ⁱ	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹³⁷								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹³⁸	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
								Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

¹³⁶

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

¹³⁷

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

¹³⁸

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)¹³⁹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

106. Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283117-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết tách công ty.
- + Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- | | |
|--|--------------------------|
| Thành lập mới | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi | <input type="checkbox"/> |

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁴⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

140

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật¹⁴¹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

¹⁴¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/>

	Môn bài	<input type="checkbox"/>
	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>
	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁴² :	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

- a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
- b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹⁴³

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

¹⁴² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁴³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹⁴⁴							Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ¹⁴⁵	Ghi chú	
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							Thời điểm góp vốn
												Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹⁴⁴ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

¹⁴⁵ Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹⁴⁶	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹⁴⁷								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹⁴⁸	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

¹⁴⁶

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

¹⁴⁷

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

¹⁴⁸

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)¹⁴⁹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

107. Đăng ký công ty cổ phần trên cơ sở hợp nhất một số công ty. Mã số hồ sơ: T-BPC-283118-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Bản sao hợp lệ hợp đồng hợp nhất.
- + Bản sao hợp lệ Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp lệ hợp đồng hợp nhất.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông sáng lập (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-4

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đăng ký công ty cổ phần với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:



Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁵⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

Tổng số cổ phần, loại cổ phần:.....

Mệnh giá từng loại cổ phần:.....

6. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật¹⁵¹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.
¹⁵¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/>

	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
	Môn bài	<input type="checkbox"/>
	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>
	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁵² :	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi họ tên)¹⁵³

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

¹⁵² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁵³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹⁵⁴								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ¹⁵⁵	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
												Số lượng	Giá trị	Phổ thông					
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹⁵⁴

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

¹⁵⁵

Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹⁵⁶	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹⁵⁷								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹⁵⁸	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn			
											Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

¹⁵⁶

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

¹⁵⁷

Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

¹⁵⁸

Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)¹⁵⁹

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

108. Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở chia công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283119-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
 - + Điều lệ công ty.
 - + Danh sách thành viên công ty hợp danh.
 - + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết chia công ty.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (theo Phụ lục I-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁶⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

	Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁶¹ :	

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Ký và ghi họ tên từng thành viên)¹⁶²

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹⁶³

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

¹⁶¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁶² Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

¹⁶³ Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹⁶⁵	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹⁶⁴ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn(nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹⁶⁴ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

¹⁶⁵ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

109. Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở tách công ty TNHH, công ty cổ phần. Mã số hồ sơ: T-BPC-283120-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
 - + Điều lệ công ty.
 - + Danh sách thành viên công ty hợp danh.
 - + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Nghị quyết tách công ty.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (theo Phụ lục I-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁶⁶ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước:		

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

+ Vốn nhà nước		
+ Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại:Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

	Thuế xuất, nhập khẩu	
	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
	Môn bài	<input type="checkbox"/>
	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>
	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁶⁷ :	

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Ký và ghi họ tên từng thành viên)¹⁶⁸

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹⁶⁹

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

¹⁶⁷ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁶⁸ Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

¹⁶⁹ Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹⁷¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹⁷⁰ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thànhviê n hợp danh													
	B.Thànhviê n góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹⁷⁰ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

¹⁷¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.
³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

110. Đăng ký công ty hợp danh trên cơ sở hợp nhất một số công ty. Mã số hồ sơ: T-BPC-283121-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- + Điều lệ công ty.
- + Danh sách thành viên công ty hợp danh.
- + Bản sao hợp lệ các giấy, tờ sau đây:

Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy, tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- + Bản sao hợp lệ hợp đồng hợp nhất.

+ Bản sao hợp lệ Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất .

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (theo Phụ lục I-5 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

☐ Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁷² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		

172

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

Tổng cộng		
-----------	--	--

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT (có/không):
8	Đăng ký xuất khẩu (có/không):
9	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
10	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

	Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
11	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹⁷³ :	

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(Ký và ghi họ tên từng thành viên)¹⁷⁴

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)¹⁷⁵

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

¹⁷³ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

¹⁷⁴ Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

¹⁷⁵ Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹⁷⁷	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹⁷⁶ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)³

¹⁷⁶

Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

¹⁷⁷ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

111. Đăng ký sáp nhập một hoặc một số công ty vào công ty khác. Mã số hồ sơ: T-BPC-283122-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Hồ sơ như đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- + Bản sao hợp đồng sáp nhập;
- + Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty nhận sáp nhập;
- + Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của công ty bị sáp nhập;
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-1 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 2 thuộc nhóm lĩnh vực A3.I

VII. ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG.

112. Đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng. Mã số hồ sơ: T-BPC-283123-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- (1). Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (2). Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định 78/2015/ NĐ-CP. Trong đó, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần được thay thế bằng bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (3). Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trực tiếp thực hiện hoặc chỉ định tổ chức tín dụng khác thực hiện việc tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định 78/2015/ NĐ-CP, trong đó, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên,

Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay thế bằng bản sao hợp lệ quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

h) Lệ phí: 200.000đ/lần cấp trong trường hợp đăng ký đối với tổ chức tín dụng; 100.000đ/lần trong trường hợp đăng ký đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp và danh sách kèm theo tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp; Thông báo và các văn bản khác do doanh nghiệp phát hành (theo Phụ lục Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

VIII. ĐĂNG KÝ CON DẤU, CÔNG BỐ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

113. Thông báo sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện. Mã số hồ sơ: T-BPC-283124-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện. (theo Phụ lục II-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-8

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về mẫu con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

2. Số lượng con dấu:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Kính đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)¹⁷⁸

114. Thông báo thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện. Mã số hồ sơ: T-BPC-283125-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (theo Phụ lục II-9 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-9

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu
của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu cũ ¹⁷⁹	Mẫu con dấu mới	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

2. Số lượng con dấu:

- Số lượng con dấu trước khi thay đổi (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu):

- Số lượng con dấu sau khi thay đổi:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Kính đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)²

¹⁷⁹ Trường hợp doanh nghiệp bị mất con dấu cũ hoặc đã nộp con dấu cũ cho cơ quan công an hoặc doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu nhưng không thay đổi mẫu con dấu thì doanh nghiệp không cần đóng dấu vào ô này.

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

115. Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện. Mã số hồ sơ: T-BPC-283126-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (theo Phụ lục II-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-10

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Thông báo về việc hủy mẫu con dấu như sau:

1. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (*chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

2. Hình thức mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

3. Thời điểm hết hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Kính đề nghị Quý Phòng công bố việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)¹⁸⁰

116. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. Mã số hồ sơ: T-BPC-283127-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước hoặc đăng ký qua mạng điện tử, thông Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trang Website: dangkykinhdoanh.gov.vn
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận; Trường hợp đăng ký qua mạng doanh nghiệp thanh toán lệ phí và nhận giấy biên nhận theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Đăng tải thông tin của doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 300.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo Phụ lục II-25 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-25

(Ban hành theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Loại giấy chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Điện thoại: Email:

Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp: [Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa)]

.....

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu ngày...../...../.....

Đăng ký thay đổi lần thứ.....**ngày**...../...../.....

Đề nghị đăng Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

1. Thành lập mới doanh nghiệp

Ngày bắt đầu đăng thông tin¹⁸¹:...../...../.....

2. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- Đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày...../...../.....

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

3. Thông báo quyết định giải thể

181

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

Văn bản gửi kèm (*chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm*)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Thông tin khác về doanh nghiệp

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

Ngày kết thúc đăng thông tin:/...../.....

Văn bản gửi kèm (*chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm*)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Kính đề nghị Quý Phòng xem xét, đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹⁸²

¹⁸²

Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

IX. ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI LIÊN HIỆP TÁC XÃ

117. Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282585-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;
 - + Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã;
 - + Phương án sản xuất kinh doanh;
 - + Danh sách thành viên;
 - + Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng Giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
 - + Nghị quyết hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Phương án sản xuất kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng giám đốc) ban kiểm soát, kiểm soát viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-1

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:..... /...../..... Ngày hết hạn:..... /...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:.....

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới ☐
- Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã ☐
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã ☐
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã ☐
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):

5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):

6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):

7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VNĐ):

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

9. Số lượng thành viên:

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-2

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													
2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

....., ngày.... tháng.... năm ...
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

118. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282584-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.
- Bước 5: Trường hợp liên hiệp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại huyện của tỉnh, thành phố khác với nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã phải: Thông báo bằng văn bản tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
- Bước 6: Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy chứng nhận mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã phải: Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để cập nhật vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
 - + Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

+ Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh liên hiệp hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-5 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng
đại diện/ địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng

đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt
(ghi bằng chữ in hoa):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài
(nếu có):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

..... Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

119. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282583-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1). Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện thì liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hồ sơ gồm:

- + Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã;
- + Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã;
- + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

(2). Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của liên hiệp hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký thì liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới.

(3). Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì trưởng ban kiểm soát của liên hiệp hợp tác xã ký, ghi họ tên trong giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-7

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹⁸³ như sau:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên hợp tác xã	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo pháp luật	<input type="checkbox"/>
- Tên chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Tên văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>

I-7.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

I-7.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

I-7.6

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký:.....
Vốn điều lệ dự kiến thay đổi:.....
Trong đó:
- Tổng số vốn đã góp:
- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:
- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:.....

I-7.7

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi tên của chi nhánh sau:
2. Tên của chi nhánh sau khi thay đổi:
Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):
.....
Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):
Tên chi nhánh viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.8

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của chi nhánh sau:
2. Địa chỉ chi nhánh sau khi thay đổi:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:
Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.9

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh sau:.....
2. Người đại diện chi nhánh sau khi thay đổi:
Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:.....
Chức danh:.....
Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

I-7.10

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi tên của văn phòng đại diện sau:

2. Tên của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên văn phòng đại diện viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.11

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của văn phòng đại diện sau:

2. Địa chỉ của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở văn phòng đại diện của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.12

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của văn phòng đại diện sau:

2. Người đại diện của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại:..... Fax:
 Email: Website:

I-7.13

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

120. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282567-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1). Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã thì liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới; hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;
- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;
- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh liên hiệp hợp tác xã mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.
- Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

(2). Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm

kinh doanh thì liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới.

(3). Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thì liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

(4). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới, liên hiệp hợp tác xã phải:

a) Thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã tại cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

b) Thông báo bằng văn bản đối với các trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện; tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có trụ sở khác với huyện hoặc tỉnh, thành phố với trụ sở chính của liên hiệp hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, của liên hiệp hợp tác xã.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-8 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-8

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh¹⁸⁴ sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của hợp tác xã:

Địa chỉ chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác
xã:

Người đại diện chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của
hợp tác xã:

CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh/nội dung hoạt động	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>

I-8.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt dự kiến
thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

¹⁸⁴ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi: lựa chọn và khai chi tiết nội
dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-8.2 đến trang I-8.5 theo yêu cầu của hợp tác xã.

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

I-8.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh/văn phòng/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-8.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Ghi nội dung hoạt động sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với văn phòng đại diện):

.....

I-8.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự kiến:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

I-8.6

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

121. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282566-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
 - + Trường hợp thay đổi điều lệ thì liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của liên hiệp hợp tác xã sau khi thay đổi.
 - + Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 - + Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã bổ sung vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-9 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-9

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹⁸⁵ như sau:

Nội dung thông báo thay đổi²

Đánh dấu

- | | |
|---|--------------------------|
| - Điều lệ | <input type="checkbox"/> |
| - Số lượng thành viên | <input type="checkbox"/> |
| - Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên | <input type="checkbox"/> |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |
| - Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh | <input type="checkbox"/> |

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹⁸⁵

Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.
Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

² Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

122. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282565-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã bổ sung vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-10 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-10

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã¹⁸⁶ như sau:

Nội dung thông báo	Đánh dấu
- Góp vốn	<input type="checkbox"/>
- Mua cổ phần	<input type="checkbox"/>
- Thành lập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

I-10.2

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Số vốn góp:

¹⁸⁶

Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định thông báo; lựa chọn và khai chi tiết nội dung thông báo vào các mẫu tương ứng từ trang I-10.2 đến trang I-10.4.

I-10.3

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Giá trị số cổ phần mua:

I-10.4

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Số vốn điều lệ:

I-10.5

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

123. Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282564-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Thông báo tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã lưu vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã để theo dõi.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-11 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-11

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

1. Đối với hợp tác xã tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm....

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

.....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Lý do tạm ngừng:

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

124. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282563-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1). Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã gửi đến cơ quan đăng ký 01 bộ hồ sơ gồm:

- + Thông báo chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;
- + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;
- + Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;
- + Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
- + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

(2). Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã phải:

- + Thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
- + Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

(3). Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã phải:

+ Thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

+ Kèm theo thông báo là bản sao xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-12 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục I-6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-12

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động

chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo chấm dứt hoạt động

chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Thông tin về người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Hợp tác xã cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

Phụ lục I-6

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc lập/chấm dứt hoạt động
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Hợp tác xã đã lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in
hoa):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài
(nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh:**

Do (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp):..... cấp ngày: / /

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã
theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

..... Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
 Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp,
 chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

125. Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283128-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1). Trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể tự nguyện, liên hiệp hợp tác xã phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã tại cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

(2). Hồ sơ giải thể tự nguyện, gồm:

- + Thông báo giải thể liên hiệp hợp tác xã;
- + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã;
- + Biên bản hoàn thành việc giải thể liên hiệp hợp tác xã;
- + Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của liên hiệp hợp tác xã;
- + Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của liên hiệp hợp tác xã;
- + Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;
- + Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã.
- + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận về việc giải thể của liên hiệp hợp tác xã

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-13 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-13

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Quyết định giải thể số:..... ngày...../...../.....

Lý do giải thể:

.....

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

126. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã do bị mất hoặc bị hư hỏng. Mã số hồ sơ: T-BPC-282572-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng).
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-14 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-14

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....
.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

127. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã do bị mất hoặc bị hư hỏng.
Mã số hồ sơ: T-BPC-282571-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng).
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-15 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-15

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng
đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký

chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau của hợp tác xã:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

128. Cấp đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282561-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
 - + Nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-17 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-17

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

129. Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283129-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã;
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
 - + Bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã cũ bàn giao khi liên hiệp hợp tác xã tiến hành đăng ký tại cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã mới.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-16 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-16

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã với nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đã đăng ký

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã dự định đăng ký

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Lý do thay đổi:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

130. Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở chia. Mã số hồ sơ: T-BPC-282582-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;
 - + Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã;
 - + Phương án sản xuất kinh doanh;
 - + Danh sách thành viên;
 - + Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng Giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chia liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Phương án sản xuất kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng giám đốc) ban kiểm soát, kiểm soát viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Hợp tác xã 2012;

- Tên của liên hiệp hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã 2012;

- Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật Hợp tác xã 2012

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-1

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....
Giới tính:.....
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân số:.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
Số giấy chứng thực cá nhân:.....
Ngày cấp:...../...../..... Ngày hết hạn:...../...../..... Nơi cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....
Tỉnh/Thành phố:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại:..... Fax:
Email: Website:.....

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới ☐
Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):

5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):

6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):

7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VND):

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

9. Số lượng thành viên:

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ
 (Ký và ghi họ tên)**

Phụ lục I-2

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.... tháng.... năm....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													
2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

131. Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở tách. Mã số hồ sơ: T-BPC-282575-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;
 - + Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã;
 - + Phương án sản xuất kinh doanh;
 - + Danh sách thành viên;
 - + Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng Giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Phương án sản xuất kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng giám đốc) ban kiểm soát, kiểm soát viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Hợp tác xã 2012;

- Tên của liên hiệp hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã 2012;

- Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật Hợp tác xã 2012.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-1

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:..... /...../..... Ngày hết hạn:..... /...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email:

Website:.....

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):**5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):****6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):****7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):**

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VNĐ):

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

9. Số lượng thành viên:**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):**

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-2

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													
2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

132. Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở hợp nhất. Mã số hồ sơ: T-BPC-282574-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;
 - + Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã;
 - + Phương án sản xuất kinh doanh;
 - + Danh sách thành viên;
 - + Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng Giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
 - + Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất liên hiệp hợp tác xã.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Phương án sản xuất kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách thành viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (Tổng giám đốc) ban kiểm soát, kiểm soát viên liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-1

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....
Giới tính:.....
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân số:.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
Số giấy chứng thực cá nhân:.....
Ngày cấp:...../...../..... Ngày hết hạn:...../...../..... Nơi cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....
Tỉnh/Thành phố:
Chỗ ở hiện tại:.....
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại:..... Fax:
Email: Website:.....

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới ☐
Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã ☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):

5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):

6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):

7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VNĐ):

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:
- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:
- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

9. Số lượng thành viên:

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-2

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.... tháng.... năm ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													
2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

133. Đăng ký liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở sáp nhập. Mã số hồ sơ: T-BPC-282573-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Người đại diện hợp pháp của liên hiệp hợp tác xã dự định thành lập nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; hoặc có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã nhưng phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức, cá nhân nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã;
- + Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí: 250.000 đồng/lần cấp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo Phụ lục I-7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-7

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹⁸⁷ như sau:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên hợp tác xã	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo pháp luật	<input type="checkbox"/>
- Tên chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Tên văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>

¹⁸⁷

Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-7.2 đến trang I.7.12 theo yêu cầu của hợp tác xã.

- Người đại diện văn phòng đại diện



I-7.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....
Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

I-7.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

I-7.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

I-7.6

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký:
 Vốn điều lệ dự kiến thay đổi:
 Trong đó:
 - Tổng số vốn đã góp:
 - Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:
 - Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

I-7.7

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi tên của chi nhánh sau:

2. Tên của chi nhánh sau khi thay đổi:

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa): ..

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

I-7.8

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của chi nhánh sau:

2. Địa chỉ chi nhánh sau khi thay đổi:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:
Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng
hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.9

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh sau:

2. Người đại diện chi nhánh sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

I-7.10

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi tên của văn phòng đại diện sau:

2. Tên của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên văn phòng đại diện viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.11

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của văn phòng đại diện sau:

2. Địa chỉ của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:
Hợp tác xã cam kết trụ sở văn phòng đại diện của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.12

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của văn phòng đại diện sau:

2. Người đại diện của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

I-7.13

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

X. ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP XÃ HỘI.

134. Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Mã số hồ sơ: T-BPC-283130-TT

a) Trình tự thực hiện:

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lập bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu có sẵn nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận;

Phòng đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhập thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo

b) Cách thức thực hiện: Nộp thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đối với doanh nghiệp đang hoạt động: bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 01 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

- Đối với thành lập mới doanh nghiệp xã hội:

+ Bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 01 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Các giấy tờ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp được thành lập mới theo Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Doanh nghiệp xã hội được thành lập mới/Hồ sơ doanh nghiệp được cấp nhập thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp (Thông tư số 176/2012/TT-BTC) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biểu mẫu 01: Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Các biểu mẫu theo từng loại hình doanh nghiệp quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm:

Biểu mẫu 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: *[Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

[Chú thích: Bỏ trống trong trường hợp nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới]

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và thực hiện đúng và đầy đủ các hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi trường như cam kết sau đây:

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

[Chú thích: doanh nghiệp có thể điền nội dung trong Bản cam kết này hoặc viết thành văn bản riêng rồi đính kèm Bản cam kết này]

Các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp nhằm giải quyết	Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp
..... <i>[Chú thích: miêu tả các vấn đề bất cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh]</i> <i>[Chú thích: miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu? Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính/định lượng) dự kiến đạt được? Nêu nhóm đối tượng hưởng lợi. Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả tại cột bên.]</i>

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

[Chú thích: doanh nghiệp đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn dưới đây]

☐ Không thời hạn.

☐ năm kể từ [ngày/tháng/năm]: / /

3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.

[Chú thích: Theo Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hằng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hằng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp].

Doanh nghiệp giữ lại: % tổng lợi nhuận (trong trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận).

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Chú thích: Doanh nghiệp có thể điền hoặc bỏ trống nội dung này. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần lưu ý.

Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.]

5. Chữ ký

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh.

c. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Các thành viên là cá nhân.

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức.

d. Đối với công ty cổ phần.

- Cổ đông sáng lập là cá nhân. Cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức. Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập, thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện

theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập thì nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

- ☐ Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.
- ☐ Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

135. Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Mã số hồ sơ: T-BPC-283131-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi, Doanh nghiệp lập bản thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận;

Phòng đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhập thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo.

b) Cách thức thực hiện: Doanh nghiệp trực tiếp nộp hồ sơ thông báo thay đổi tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước

c) Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 02 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Doanh nghiệp xã hội được thành lập mới/Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhập thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp (Thông tư số 176/2012/TT-BTC) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu 02: Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Biểu mẫu 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG
CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp *[Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]*:

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và đăng ký thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như sau đây:

[Chú thích: doanh nghiệp chỉ điền vào mục có nội dung thay đổi; các mục khác sẽ bỏ trống hoặc ghi “không” nếu không có thay đổi gì]

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

a. Nội dung các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp cam kết giải quyết	
..... <i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
b. Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp	
..... <i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

..... <i>[Chú thích: ghi đúng thời hạn đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ thời thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
--	--

3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.

[Chú thích: Theo khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hằng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hằng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp].

..... <i>[Chú thích: ghi đúng mức lợi nhuận giữ lại]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ thay đổi về mức lợi]</i>
--	--

đã cam kết lần gần nhất]	nhuận giữ lại và nêu rõ lý do thay đổi]
--------------------------	---

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.]

.....
.....
<i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i>	<i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>

5. Chữ ký*[Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]*

- a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.
- b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

- ☐ Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.
- ☐ Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

136. Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.
Mã số hồ sơ: T-BPC-283132-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt, Doanh nghiệp lập bản thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận;

- Phòng đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhập thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo

b) Cách thức thực hiện: Doanh nghiệp trực tiếp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản thông báo chấm dứt nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 02 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên hoặc Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có), trong đó nêu rõ lý do chấm dứt.

+ Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

+ Bản sao Thỏa thuận với cá nhân, tổ chức liên quan về xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối vốn nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận (nếu còn).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần (Thông tư số 176/2012/TT-BTC) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu 03: Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Được quy định tại Điều 6 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp xã hội chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.
- Vấn đề xã hội, môi trường trong Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã thay đổi hoặc không còn nữa.
- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường và mức lợi nhuận giữ lại tái đầu tư.
- Trường hợp khác theo quyết định của doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho các doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự. Doanh nghiệp xã hội chỉ được chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường nếu vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã xử lý số dư của khoản viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp đã nhận.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Biểu mẫu 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

1. Tên doanh nghiệp*[Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]*:

2. Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

3. Sau khi đã đọc và nhận thức được các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành, doanh nghiệp thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường với lý do như sau đây:

.....
.....
.....

4. Chữ ký*[Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]*

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

5. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

☐ Quyết định của doanh nghiệp.

☐ Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐQTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

☐ Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

☐ Bản sao Tài liệu thỏa thuận về xử lý số dư tài sản, tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ trong trường hợp doanh nghiệp có nhận tài trợ, viện trợ và còn dư.

137. Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ. Mã số hồ sơ: T-BPC-283133-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Việc tiếp nhận tài trợ phải lập thành văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản tiếp nhận tài trợ được ký kết, doanh nghiệp phải thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính về việc tiếp nhận tài trợ; kèm theo thông báo phải có bản sao hợp lệ Văn bản tiếp nhận tài trợ.

b) Cách thức thực hiện: Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo biểu mẫu 04 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Bản sao hợp lệ Văn bản tiếp nhận tài trợ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật.

i) Lệ phí: không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu 04: Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Biểu mẫu 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp *[Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]*:

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

Thông báo việc tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ, tài trợ:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ, tài trợ:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ, tài trợ:

.....

4. Tóm lược về mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....

5. Thời điểm sử dụng viện trợ, tài trợ *[yêu cầu đối với doanh nghiệp tiếp nhận viện trợ, tài trợ]*:

6. Chữ ký *[Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]*

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

☐ Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ.

☐ Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (nếu có).

☐ Tài liệu khác [nếu có; ghi rõ tên tài liệu]:.....

138. Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ. Mã số hồ sơ: T-BPC-283134-TT

a) Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ ban đầu thì doanh nghiệp phải gửi thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo biểu mẫu 05 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Bản sao Văn bản tiếp nhận tài trợ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước

g) Kết quả thực hiện TTHC: Hồ sơ doanh nghiệp được cấp nhận.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu 05 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Biểu mẫu 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp *[Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]*:

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin thay đổi về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ:.....

4. Tóm lược nội dung thay đổi về mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

5. Thay đổi thời điểm sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

6. Chữ ký*[Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]*

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

☐ Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ (đối với những thay đổi ở nội dung 3, 4 và 5 của Biểu mẫu này).

☐ Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (nếu có).

☐ Tài liệu khác [nếu có; ghi rõ tên tài liệu]:

139. Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ. Mã số hồ sơ: T-BPC-283135-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân lập công văn/giấy đề nghị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi doanh nghiệp xã hội có trụ sở chính cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ được lưu giữ tại cơ quan đó.

- Sau khi nhận được công văn/ giấy đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân gửi công văn/giấy đề nghị trực tiếp hay qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp xã hội có trụ sở chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Công văn/giấy đề nghị

*** số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước

h) Kết quả thực hiện TTHC: Công văn trả lời về cung cấp thông tin.

i) Lệ phí: chưa quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu 6

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Biểu mẫu 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG
(Áp dụng đối với doanh nghiệp xã hội)

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□

Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, xã hội môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết trong năm như sau:

1. Kết quả và mức độ thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết.

Miêu tả các hoạt động mà doanh nghiệp đã triển khai thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đã cam kết	Các kết quả/chỉ số đã đạt được từ các hoạt động mà doanh nghiệp đã nêu ở cột bên	Đánh giá chung mức độ đạt được trong việc giải quyết vấn đề xã hội, môi trường so với mục tiêu đã cam kết
..... <i>[Chú thích: miêu tả những hoạt động quan trọng mà doanh nghiệp đã tiến hành trong năm]</i> <i>[Chú thích: nêu rõ kết quả đạt được, bao gồm: đối tượng hưởng lợi, mức độ hưởng lợi? So sánh các chỉ số đạt được so với chỉ số đăng ký ban đầu được nêu tại Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (nếu có)]</i> <i>[Chú thích: từ những kết quả đã đạt được, ước tính mức độ các vấn đề xã hội, môi trường đã thực sự được giải quyết so với mục tiêu đã cam kết]</i>

2. Tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ, tài trợ:

a) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (đến thời điểm 31/12/....., lũy kế qua các năm): đồng.

b) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (đến thời điểm 31/12/....., lũy kế qua các năm): đồng.

c) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (trong năm.....): đồng.

d) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (trong năm.....): đồng.

3. Mức lợi nhuận doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết:

Tổng giá trị:..... đồng; chiếm% tổng lợi nhuận.

4. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

140. Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội. Mã số hồ sơ: T-BPC-283136-TT

a) Trình tự thực hiện:

Người đứng đầu cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện lập bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu có sẵn nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận;

b) Cách thức thực hiện: Nộp thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 01 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

+ Các giấy tờ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp được thành lập mới theo Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Doanh nghiệp xã hội được thành lập mới/Hồ sơ doanh nghiệp được cấp nhập thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí: 200.000 đồng/lần cấp (Thông tư số 176/2012/TT-BTC) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biểu mẫu 01: Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.

- Các biểu mẫu theo từng loại hình doanh nghiệp quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số thuộc nhóm lĩnh vực A3.X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN:

B1. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH

1. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh: Mã số hồ sơ: T-BPC-283138-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (Mẫu theo: Phụ lục III-1 Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

+ Chứng minh nhân dân photo hoặc hộ chiếu photo kèm theo bản chính để đối chiếu.

* **Lưu ý:** Trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập thì phải có biên bản họp nhóm cá nhân về việc thành lập hộ kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp (Một trăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về việc Đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và cung cấp thông tin doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục III-1

(Ban hành theo theo Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện ...

Tôi là: (ghi bằng chữ in hoa)

Giới tính:

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (Nếu không có chứng minh nhân dân)

Giấy chứng nhận cá nhân:

Ngày cấp: Nơi cấp:

.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Điện thoại:..... Fax:

.....

Email:..... Website:

.....

ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

2. Địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

3. Ngành, nghề kinh doanh: (Các tổ chức, cá nhân có thể tham khảo ngành nghề kinh doanh tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 về Ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam).

.....
.....
.....
.....

4. Vốn kinh doanh: (bằng số, VNĐ).....(bằng chữ).....

Phần góp vốn của mỗi cá nhân (Đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân góp vốn thành lập: kê khai theo mẫu): Gửi kèm.

Tôi và các cá nhân tham gia thành lập hộ kinh doanh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; Không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân, không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh; (trừ trường hợp được sự nhất trí của thành viên hợp danh lại);

- Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của Pháp luật.

- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đăng ký kinh doanh.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi rõ họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

2. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283139-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu đơn thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Mẫu theo Phụ lục III-3 Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

+ Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh (cũ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp (Hai mươi lăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh (Phụ lục III-3 Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 1/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về việc Đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục III-3

(Ban hành theo Theo Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):Số

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Do: Cấp ngày: .. /..... /.....

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....
.....
.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này (*Trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải cam kết về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở dự định chuyển tới*).

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

(Ký, ghi họ tên)

3. Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283140-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho cá nhân biết để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển tiếp hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch để xử lý.

(Lưu ý trước khi chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, cần thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện).

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiếp nhận, xử lý ra thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Mẫu theo Phụ lục III-5 Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

+ Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính:

Hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và chấm dứt hoạt động kinh doanh trong các trường hợp sau:

- Không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- Ngừng hoạt động kinh doanh quá sáu tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký;
- Chuyển địa điểm kinh doanh sang huyện, thị khác;
- Kinh doanh ngành, nghề bị cấm;
- Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về việc Đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục III-5

(Ban hành theo Theo Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015)

TÊN HỘ KINH DOANH

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

V/v chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:

Do: Cấp ngày: / /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày / /

Hộ kinh doanh cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Kèm theo Thông báo:

-
-

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi họ tên)

4. Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283141-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh phải gửi Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho cá nhân biết để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển tiếp hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch để xử lý và đồng thời gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý ít nhất 15 (mười năm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiếp nhận, xử lý và đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc và cấp Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh (Phụ lục III-4, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: ít nhất 15 (mười năm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP);

Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT);

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục III-4

(Ban hành theo Theo Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015)

TÊN HỘ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận hộ kinh doanh:.....

Do: cấp ngày:/...../.....

Địa điểm kinh doanh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

Thông báo tạm ngừng kinh doanh như sau:

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngàythángnăm

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngàythángnăm

Lý do tạm ngừng:

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi họ tên)¹⁸⁸

¹⁸⁸ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283142-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho cá nhân biết để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển tiếp hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch để xử lý.

Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiếp nhận, xử lý

b) Cách thức thực hiện: Hộ kinh doanh gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ: bao gồm:

- **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp lại cho hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Phụ lục III-6, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP);

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT);

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục III-6

(Ban hành theo Theo Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015)

TÊN HỘ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Do: Cấp ngày: / /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

Các giấy tờ gửi kèm:

(Ký, ghi họ tên)¹⁸⁹

-

-

¹⁸⁹ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

B2. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

1. Đăng ký thành lập hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282559-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Điều lệ của hợp tác xã được xây dựng theo Điều 21 Luật Hợp tác xã;

+ Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Danh sách thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập Hợp tác xã mẫu Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Phương án sản xuất kinh doanh mẫu Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách thành viên mẫu Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên mẫu Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-1
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện ...

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:...../...../.....; Ngày hết hạn:...../...../.....;

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:.....

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã ☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:.....

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):.....

5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):.....

6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):

7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VNĐ):.....

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:.....
- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:.....
- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:.....

9. Số lượng thành viên:

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

Phụ lục I-2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

I. Tổng quan về tình hình thị trường

II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã

III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Số lượng thành viên

5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên

2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.... tháng.... năm...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN
KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													

2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

....., ngày.... tháng năm ...
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên

² Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu

2. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282557-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, sau đó chuyển kết quả về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp. (Một trăm ba mươi nghìn đồng)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phụ lục I-5 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh của
hợp tác xã**

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội
dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi
bằng chữ in hoa):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu
có):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

<p>Các giấy tờ gửi kèm:</p> <p>-</p> <p>-</p>	<p>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA</p> <p>HỢP TÁC XÃ</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)</i></p>
---	---

3. Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282556-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã (đối với tỉnh Bình Phước là Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện) nơi dự định đặt trụ sở mới. Hợp tác xã thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì trường ban kiểm soát của hợp tác xã ký, ghi họ tên trong giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã.

- Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hợp tác xã (Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện):

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

+ Cơ quan đăng ký hợp tác xã giao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đảm bảo tính hợp lệ và phải thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã.

Trong trường hợp hợp tác xã thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi đã đăng ký thì cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

Trong trường hợp cùng một thời điểm, thay đổi nhiều nội dung, cơ quan đăng

lý hợp tác xã thực hiện đăng ký một lần những thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

+ Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cũ khi được cấp giấy đăng ký mới.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp. (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung đăng ký thay đổi

Đánh dấu

- | | |
|-------------------------------------|--------------------------|
| - Tên hợp tác xã | <input type="checkbox"/> |
| - Địa chỉ trụ sở chính | <input type="checkbox"/> |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh | <input type="checkbox"/> |
| - Vốn điều lệ | <input type="checkbox"/> |
| - Người đại diện theo pháp luật | <input type="checkbox"/> |
| - Tên chi nhánh | <input type="checkbox"/> |
| - Địa chỉ chi nhánh | <input type="checkbox"/> |
| - Người đại diện chi nhánh | <input type="checkbox"/> |
| - Tên văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |
| - Địa chỉ văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |
| - Người đại diện văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |

1 Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-7.2 đến trang I.7.12 theo yêu cầu của hợp tác xã.

I-7.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

.....
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

.....
Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

I-7.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
 Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

I-7.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

I-7.6

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký:
 Vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:.....
- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:.....
- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:.....

I-7.7

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi tên của chi nhánh sau:

2. Tên của chi nhánh sau khi thay đổi:

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.8

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của chi nhánh sau:

2. Địa chỉ chi nhánh sau khi thay đổi:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện

thoại:..... Fax:

Email: Website:

.....
Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.9

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh sau:.....

2. Người đại diện chi nhánh sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:.....

Chức danh:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện
thoại: Fax:
Email: Website:

I-7.10

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi tên của văn phòng đại diện sau:

2. Tên của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên văn phòng đại diện viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

I-7.11

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của văn phòng đại diện sau:

2. Địa chỉ của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở văn phòng đại diện của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.12

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của văn phòng đại diện sau:

2. Người đại diện của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc

tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi

cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện

thoại:..... Fax:

Email: Website:

I-7.13

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

4. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trong địa bàn tỉnh). Mã số hồ sơ: T-BPC-283143-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (Hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trên địa bàn tỉnh), hợp tác xã phải gửi thông báo đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng tài chính – kế hoạch huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng tài chính – kế hoạch huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì lập biên nhận và ghi rõ hẹn ngày đến lấy kết quả. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì chỉ một lần hướng dẫn bổ sung cho đầy đủ, đúng quy định sau đó tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Phòng Tài chính – Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành xử lý và tham mưu cho UBND cấp huyện ra quyết định cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã (hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trong địa bàn tỉnh).

- Bước 3: Đại diện hợp tác xã nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng tài chính – kế hoạch huyện theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng tài chính – kế hoạch nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

* Lưu ý: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp. (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phụ lục I-5 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Phụ lục I-6 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh của
hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết:

- Trú sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

Phụ lục I-6

(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Hợp tác xã đã lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Email:

Website:

3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.....

Do (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp):..... cấp ngày: .../ .../ ...

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
 Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

5. Đăng ký, thay đổi bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283144-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc quyết định của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

* Lưu ý: Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký, thay đổi bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

6. Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ:
T-BPC-283145-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

7. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh. Mã số hồ sơ: T-BPC-283146-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới, Bộ phận “một cửa” hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý (Trường hợp bộ phận “một cửa” tiếp nhận hồ sơ).

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

* Lưu ý: Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

8. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh khác. Mã số hồ sơ: T-BPC-283147-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới, Bộ phận “một cửa” hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý (Trường hợp bộ phận “một cửa” tiếp nhận hồ sơ).

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

* Lưu ý: Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

9. Đăng ký đổi tên hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283148-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

* Lưu ý: Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

10. Đăng ký thay đổi số lượng xã viên hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283149-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xem xét, cập nhật, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

*** Lưu ý:**

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi số lượng thành viên Hợp tác xã thì Hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cập nhật danh sách số lượng xã viên hợp tác xã.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp (Hai mươi lăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục số I-9
(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)
TÊN HỢP TÁC XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung thông báo thay đổi²

Đánh dấu

- | | |
|---|--------------------------|
| - Điều lệ | <input type="checkbox"/> |
| - Số lượng thành viên | <input type="checkbox"/> |
| - Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên | <input type="checkbox"/> |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |
| - Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh | <input type="checkbox"/> |

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

² Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

11. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283150-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

12. Đăng ký thay đổi danh sách Ban Quản trị hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283153-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xem xét, cập nhật, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

*** Lưu ý:**

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi danh sách Ban quản trị Hợp tác xã thì Hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cập nhật danh sách Ban quản trị hợp tác xã.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp (Hai mươi lăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục số I-9
(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)
TÊN HỢP TÁC XÃ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹ như sau:
Nội dung thông báo thay đổi²

Đánh dấu

- | | |
|---|--------------------------|
| - Điều lệ | <input type="checkbox"/> |
| - Số lượng thành viên | <input type="checkbox"/> |
| - Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên | <input type="checkbox"/> |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện | <input type="checkbox"/> |
| - Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh | <input type="checkbox"/> |

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

¹ Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

² Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

13. Đăng ký thay đổi Ban Kiểm soát hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283156-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xem xét, cập nhật, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

*** Lưu ý:**

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi danh sách Ban Kiểm soát Hợp tác xã thì Hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cập nhật danh sách Ban Kiểm soát hợp tác xã.

h) Lệ phí: 25.000 đồng/lần cấp (Hai mươi lăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

14. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-283159-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

* Lưu ý: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

15. Đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi. Mã số hồ sơ: T-BPC-283162-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xem xét, cập nhật, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

*** Lưu ý:**

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi Điều lệ Hợp tác xã thì Hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cập nhật Điều lệ hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 12 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

16. Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia, tách. Mã số hồ sơ: T-BPC-282552-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Điều lệ của hợp tác xã được xây dựng theo Điều 21 Luật Hợp tác xã;

+ Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Danh sách thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chia, tách, hợp nhất hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập Hợp tác xã mẫu Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Phương án sản xuất kinh doanh mẫu Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách thành viên mẫu Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên mẫu Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

17. Đăng ký kinh doanh hợp tác xã hợp nhất. Mã số hồ sơ T-BPC-282553-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Điều lệ của hợp tác xã được xây dựng theo Điều 21 Luật Hợp tác xã;

+ Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Danh sách thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;

+ Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chia, tách, hợp nhất hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị đăng ký thành lập Hợp tác xã mẫu Phụ lục I-1 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Phương án sản xuất kinh doanh mẫu Phụ lục I-2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách thành viên mẫu Phụ lục I-3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên mẫu Phụ lục I-4 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 1 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

18. Đăng ký kinh doanh hợp tác xã sáp nhập. Mã số hồ sơ: T-BPC-282551-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hội đồng quản trị của các hợp tác xã bị sáp nhập xây dựng phương án sáp nhập trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về quyết định sáp nhập.

- Bước 2: Hội đồng quản trị của các hợp tác xã bị sáp nhập hiệp thương về phương án sáp nhập, gồm các nội dung chủ yếu sau: phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ; phương án xử lý lao động và những vấn đề tồn đọng của các hợp tác xã bị sáp nhập.

- Bước 3: Hợp tác xã sau khi sáp nhập nộp hồ sơ đăng ký thay đổi tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Bước 4: Khi tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 5: Cơ quan đăng ký hợp tác xã giao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đảm bảo tính hợp lệ và phải thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã,

- Bước 6: Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cũ khi được cấp giấy đăng ký mới.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng (Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/ 2012;

- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm: Giống TTHC số 3 thuộc nhóm lĩnh vực B2.

19. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282550-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-14 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-14 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục số I-14

(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

20. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (đối với trường hợp bị mất). Mã số hồ sơ: T-BPC-282549-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-15

(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau của hợp tác xã:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

21. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với trường hợp bị hỏng). Mã số hồ sơ: T-BPC-282548-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, Bộ phận “một cửa” tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ghi phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết rõ để hoàn chỉnh hồ sơ sau đó tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển cho Phòng Tài chính - Kế hoạch xử lý.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã cho tổ chức, cá nhân sau đó chuyển kết quả (Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã) về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2013.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 23/11/2014 về hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-15

(Ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh sau của hợp tác xã:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

.....
Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo
ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính
xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

22. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282543-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi thay đổi một trong một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

Khi tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

+ Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện giao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đảm bảo tính hợp lệ và phải thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã,

+ Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cũ khi được cấp giấy đăng ký mới.

- Bước 2: Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã phải đăng ký thay đổi tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới.

Sau khi cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã, phòng TC-KH cấp huyện, nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã trước đây hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Bước 3: Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng

đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới, hợp tác xã phải:

+ Thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã đối với các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

+ Thông báo bằng văn bản đối với các trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện; tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có trụ sở khác với huyện hoặc tỉnh, thành phố với trụ sở chính của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;

- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh hợp tác xã mà theo quy định phải có chứng chỉ hành nghề.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-8 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-8
(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh¹ sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác
xã:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
của hợp tác xã:

Địa chỉ chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

.....
Người đại diện chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác
xã:

CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh/nội dung hoạt động	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>

¹ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi: lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-8.2 đến trang I-8.5 theo yêu cầu của hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):.....

I-8.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện

thoại:..... Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh/văn phòng/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-8.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; *ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Ghi nội dung hoạt động sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*đối với văn phòng đại diện*):.....

I-8.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:.....
 Chức danh:.....
 Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):.....
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại:..... Fax:
 Email: Website:

I-8.6

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

23. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282540-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 2: Khi tiếp nhận thông báo, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện giao giấy biên nhận khi nhận thông báo và thực hiện bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc góp vốn /mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 Thông tư số

03/2014/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/ 2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-10
(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)
TÊN HỢP TÁC XÃ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung thông báo	Đánh dấu
- Góp vốn	<input type="checkbox"/>
- Mua cổ phần	<input type="checkbox"/>
- Thành lập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

¹ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định thông báo; lựa chọn và khai chi tiết nội dung thông báo vào các mẫu tương ứng từ trang I-10.2 đến trang I-10.4.

I-10.2

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Số vốn góp:

I-10.3

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Giá trị số cổ phần mua:

I-10.4

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:
Ngành nghề kinh doanh:
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
2. Số vốn điều lệ:

I-10.5

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

24. Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282539-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã ít nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng hoạt động.

- Bước 2: Khi tiếp nhận thông báo, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện giao giấy biên nhận khi nhận thông báo và lưu vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

- Bước 4: Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu vẫn tiếp tục tạm ngừng hoạt động thì hợp tác xã phải thông báo tiếp cho Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện nhưng tổng thời gian tạm ngừng hoạt động liên tiếp không được quá 01 năm.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Lưu hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-11 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-11

(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn
phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

1. Đối với hợp tác xã tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho
đến ngày.... tháng.... năm....

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho
đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in
hoa*)

Số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh:.....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Lý do tạm ngừng:

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật về nội dung của Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

25. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. Mã số hồ sơ: T-BPC-282538-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ thông báo đến cơ quan, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã.

- Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện giao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đảm bảo tính hợp lệ.

- Bước 4:

+ Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khi nhận giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

+ Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải:

Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã;

Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

+ Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải:

Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã;

Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi

nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;

+ Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp (Một trăm nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-12 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT (trường hợp tại điểm b1, c1 bước 4 của trình tự thực hiện).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-12
(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của
hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
của hợp tác xã sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in
hoa):**

.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):.....

4. Thông tin về người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Hợp tác xã cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục I-6

(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Hợp tác xã đã lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Email:

Website:

3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.....

Do (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp):..... cấp ngày: / /

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):.....

5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày: / / Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại:..... Fax:
 Email: Website:
 Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
 -
 -

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA
HỢP TÁC XÃ
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

26. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã). Mã số hồ sơ: T-BPC-282536-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày 01/8/2014 có nhu cầu đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nhưng không thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải gửi giấy đề nghị cấp đổi đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Phòng Tài chính – Kế hoạch tiến hành xử lý hồ sơ, sau đó chuyển kết quả về Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện để nhận kết quả theo thời gian ghi trên phiếu hẹn.

- Bước 4: Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp trước đó khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

h) Lệ phí: 130.000 đồng/lần cấp (Một trăm ba mươi nghìn đồng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-17 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/ 2012;

- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục I-17

(Ban hành theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT)

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

B3. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

1. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-283163-TT

a) Trình tự thực hiện

- Bên mời thầu lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trình người có thẩm quyền; đồng thời gửi đơn vị thẩm định.

- Cơ quan, đơn vị thẩm định thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở:

+ Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư là việc tiến hành thẩm tra, đánh giá các nội dung quy định tại điều 23 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015;

+ Đơn vị được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền phê duyệt;

+ Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

- Căn cứ báo cáo thẩm định, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư bằng văn bản để làm cơ sở tiến hành lựa chọn nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Báo cáo thẩm định;

+ Các tài liệu liên quan cần thiết khác.

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Báo cáo thẩm định;

+ Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Các tài liệu liên quan cần thiết khác.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bản chụp các tài liệu nêu trên.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

h) **Lệ phí:** Không có.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ]

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang <i>Bảng số 5</i>]				

Ghi chú:

- (1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.
- (2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.
- (3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.
- (4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang <i>Bảng số 5</i>]			

Ghi chú:

- (1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại *Bảng 1*.
- (2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).
- (3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: [giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc

tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- e) Loại hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang <i>Bảng số 5</i>]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		

Tổng mức đầu tư của dự án	<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>
----------------------------------	--

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị ____ *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ____ *[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số ____ ngày __ tháng __ năm __)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số __ của __ về việc phê duyệt dự án __	Bản chụp
2	Quyết định số __ của __ về việc phê duyệt dự toán __	Bản chụp
	Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1	Bản chụp
...		
<i>n</i>		

2. Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện. Mã số hồ sơ: T-BPC-283164-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật
- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Kế hoạch đầu tư của Phòng Tài chính - Kế hoạch. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ký vào biên bản giao nhận hồ sơ.
 - + Trường hợp hồ sơ thiếu thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.
- Bước 3: Bộ phận Kế hoạch đầu tư sẽ tiến hành tổ chức quyết toán.
- Bước 4: Phòng Tài chính - Kế hoạch. tiến hành trình phê duyệt quyết toán công trình.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp cho phòng Kế hoạch - đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

(1). Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 (bản chính);

- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện

thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;

- Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính);

- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

(2). Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);

- Biểu mẫu Báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 (bản chính);

- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng;

- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

(3). Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán.

(4). Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện (theo Mẫu số 14/QTDA). Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 đến nhà thầu, nhưng nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu; chủ đầu tư được căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền. Trong quá trình thẩm tra, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư của dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán yêu cầu.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của UBND cấp huyện..

h) Lệ phí: Thu theo Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 .

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với dự án hoàn thành hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn: gồm các biểu theo Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 /QTDA kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 .

- Đối với hạng mục công trình hoàn thành: gồm các biểu theo Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06 /QTDA kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/01/2016 .

- Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án bị huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền: gồm các biểu theo Mẫu số: 07, 08, 09/QTDA kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BTC. Đối với dự án quy hoạch sử dụng vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014.
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng.
- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ tài chính quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.
- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu số: 01/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư:

Cấp quyết định đầu tư:

Địa điểm xây dựng:

Quy mô công trình: Được duyệt:..... Thực hiện.....

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Thời gian khởi công - hoàn thành: Được duyệt:..... Thực hiện.....

I/ Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện	
		Kế hoạch	Đã thanh toán
1	2	3	4
Tổng cộng			
- Vốn NSNN			
- Vốn TD ĐTPT của Nhà nước			
- Vốn TD Nhà nước bảo lãnh			
- Vốn ĐTPT của đơn vị			
- ...			

II/ Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Đề nghị quyết toán	Tăng, giảm so với dự toán
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ, IDC			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi khác			

III/ Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

2. Chi phí không tạo nên tài sản:

IV/ Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

STT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

V/ Thuyết minh báo cáo quyết toán

1- Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3- Kiến nghị:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN

TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...

Mẫu số: 02/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

STT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Các văn bản pháp lý				
1					
2					
3					
...					
II	Hợp đồng xây dựng				
1					
2					
3					
...					

*....., ngày... tháng... năm...***NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)***CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 03/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***BẢNG ĐỐI CHIẾU****SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ****Nguồn vốn:**

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư:

Tên cơ quan cho vay, thanh toán:

I/ Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:*Đơn vị: Đồng*

STT	Chi tiêu	Số liệu của chủ đầu tư			Số liệu của cơ quan thanh toán			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
1	2			3		4		5	6
1	Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công								
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.								
	Năm ...								
	Năm ...								

II/ Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát thanh toán:

1- Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:.....

2- Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có):.....

3- Kiến nghị:.....

*Ngày ... tháng ... năm....***CHỦ ĐẦU TƯ****KẾ TOÁN****TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN****VỊ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**Ngày ... tháng ... năm....***CƠ QUAN CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN****TRƯỞNG****PHÒNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 04/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN***Đơn vị: đồng*

TT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Quyết toán A-B	Kết quả kiểm toán (nếu có)
1	2	3	4	5
	Tổng số			
I	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC			
1				
2				
...				
II	Xây dựng			
1				
2				
...				
III	Thiết bị			
1				
2				
...				
IV	Quản lý dự án			
V	Tư vấn			
1				
2				
...				
VI	Chi phí khác			
1				
2				
...				

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày... tháng... năm...

CHỦ ĐẦU TƯ*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 05/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***TÀI SẢN DÀI HẠN (CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG***Đơn vị: đồng*

STT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							
1								
2								
...								

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN NGẮN HẠN BÀN GIAO

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số					
1						
2						
...						

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 07/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN***(Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)**Đơn vị: đồng*

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A- B chấp nhận thanh toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số						
1							
2							
3							
...							

*Ngày ... tháng ... năm ...***NGƯỜI LẬP BIỂU**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN
TRƯỞNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***CHỦ ĐẦU TƯ**
*(Ký, đóng dấu, ghi
rõ họ tên)*

Mẫu số: 08/QTDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH**

Của Dự án:

(Dùng cho dự án Quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển và dự án bị dừng thực hiện vĩnh viễn)

I- Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu văn bản; ngày ban hành	Tên cơ quan duyệt	Tổng giá trị phê duyệt (nếu có)
1	2	3	4	5
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án - Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch) - Văn bản phê duyệt dự toán chi phí - Quyết định phê duyệt quy hoạch (đối với dự án quy hoạch) 			
	- Quyết định hủy bỏ dự án			

II- Thực hiện đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
Tổng số			
- Vốn NSNN			
- Vốn khác			

2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	Tăng (+) Giảm (-)
1	2	3	4
Tổng số			

3. Số lượng, giá trị TSCĐ hình thành qua đầu tư, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):

III/ Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1- Tình hình thực hiện:

- Thuận lợi, khó khăn
- Những thay đổi nội dung của dự án so chủ trương được duyệt.

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của nhà nước
- Công tác quản lý vốn và tài sản trong quá trình đầu tư

3- Kiến nghị:

- Kiến nghị về việc giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

3. Thanh lý tài sản Nhà nước. Mã số hồ sơ: T-BPC-283165-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị có tài sản thanh lý (Đối với những tài sản có giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trừ các tài sản là phương tiện giao thông vận tải và các tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, chuẩn bị hồ sơ có liên quan đến tài sản cần thanh lý kèm theo văn bản đề nghị thanh lý tài sản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Tài chính - Kế hoạch.. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ký vào biên bản giao nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

- Bước 3: Phòng Tài chính - Kế hoạch. tiến hành tổ chức định giá tài sản (mời tổ chức nộp hồ sơ và các đơn vị liên quan tiến hành định giá tài sản)

- Bước 4: Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND cấp huyện. ra Quyết định thanh lý tài sản.

- Bước 5: Căn cứ quyết định thanh lý tài sản của UBND cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị sử dụng tổ chức thực hiện việc thanh lý tài sản theo đúng nội dung, phương thức ghi trong quyết định thanh lý tài sản của UBND cấp huyện..

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp cho phòng Kế hoạch - đầu tư

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

-Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thanh lý tài sản nhà nước;

+ Bảng kê số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản đề nghị thanh lý, kèm theo các tài liệu có liên quan đến tài sản đề nghị thanh lý;

+ Đối với các loại tài sản mà pháp luật có quy định khi thanh lý cần có ý kiến xác nhận chất lượng tài sản của cơ quan chuyên môn thì phải gửi kèm ý kiến bằng văn bản của các cơ quan này.

-Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;
 - Luật Dân sự số 91/2015/QH13.
-

4. Bán đấu giá tài sản thanh lý. Mã số hồ sơ: T-BPC-283166-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có tài sản thanh lý (đối với những tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trừ các tài sản là phương tiện giao thông vận tải và các tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý gửi các hồ sơ liên quan đến tài sản thanh lý và chuyển giao tài sản thanh lý cho Phòng Tài chính - Kế hoạch..

- Bước 2: Phòng Tài chính - Kế hoạch. tiếp nhận hồ sơ, tài sản thanh lý để bán đấu giá.

- Bước 3: Phòng Tài chính - Kế hoạch. tiến hành tổ chức định giá tài sản (mời tổ chức nộp hồ sơ và các đơn vị liên quan tiến hành định giá tài sản)

- Bước 4: Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND cấp huyện. ra Quyết định thanh lý tài sản.

- Bước 5: Căn cứ quyết định thanh lý tài sản của UBND cấp huyện, Phòng Tài chính kế hoạch thực hiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tài sản cho khách hàng có nhu cầu xem tài sản thông báo bán đấu giá.

- Bước 6: Cho khách hàng đăng ký đấu giá.

- Bước 7: Tổ chức cuộc bán đấu giá, ký kết Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá (nếu có khách hàng đăng ký), ký Biên bản không có người đăng ký tham gia đấu giá (nếu không có khách hàng đăng ký đấu giá).

- Bước 8: Phòng Tài chính Kế hoạch trình UBND cấp huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Bước 9: Thu tiền trúng đấu giá.

- Bước 10: Giao hồ sơ cho khách hàng trúng đấu giá đi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định; quyết toán; lưu hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp cho phòng Kế hoạch - đầu tư

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đối với bên đề nghị bán đấu giá:
- + Công văn đề nghị bán đấu giá tài sản;
- + Quyết định về việc thanh lý tài sản;

- + Văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản;
- + Văn bản xác định chất lượng, giá trị còn lại của tài sản;
- + Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp.
- Đối với khách hàng đăng ký tham gia đấu giá tài sản:
- + Cá nhân:
 - . Đơn đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu quy định);
 - . Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (nếu đại diện theo uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền theo quy định).
- + Tổ chức:
 - . Người đại diện tổ chức, đơn vị đến đăng ký tham gia đấu giá phải có giấy giới thiệu của tổ chức, đơn vị;
 - . Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị;
 - . Đơn đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu quy định).
- + Biên bản bàn giao tài sản thanh lý
- * **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ
- d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá
- h) Lệ phí:** Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000

4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01-DM/TSNN, Mẫu số 02-DM/TSNN, Mẫu số 03-DM/TSNN

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;
- Luật Dân sự số 91/2015/QH13.
- Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
- Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;
- Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.
- Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
- Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
- Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định phân cấp về quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm:

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 01-DM/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Địa chỉ:.....

I- Về đất:

- a- Diện tích khuôn viên đất:.....m2.
b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc.....;Làm cơ sở HĐ sự nghiệp.....;Làm nhà ở.....;Cho thuê.....;Bỏ trống.....;Bị lấn chiếm.....;Sử dụng vào mục đích khác..... m2.
c- Giá trị theo sổ kế toán:..... ngàn đồng.

II- Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			SỐ TẦNG	DT XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DT XÂY DỰNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HDSN	Sử dụng khác				
				Nguồn NS	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1- Nhà ...																
2- Nhà ...																
Tổng cộng:																

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trong trường hợp thanh lý tài sản gắn liền với đất thì không cần ghi các chỉ tiêu tại mục I.
- Trong các trường hợp sau đây phải thêm cột giá trị còn lại theo đánh giá lại:
 - + Điều chuyển tài sản nhà nước từ cơ quan, tổ chức sang đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính hoặc giữa các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.
 - + Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà tài sản đó chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 02-DM/TSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC XE Ô TÔ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

TÀI SẢN	NHÂN HIỆU	BIỂN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/ TÀI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (chiếc)			
										Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HĐ sự nghiệp		HĐ khác
										Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I- Xe phục vụ chức danh																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
II- Xe phục vụ chung																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
III- Xe chuyên dùng																
1- Xe ...																
2- Xe ...																

Tổng cộng:																
-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trong các trường hợp sau đây phải thêm cột giá trị còn lại theo đánh giá lại:
- Điều chuyển tài sản nhà nước từ cơ quan, tổ chức sang đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính hoặc giữa các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.
 - Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà tài sản đó chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 03-DM/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC TÀI SẢN KHÁC (TRỪ TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ XE Ô TÔ) ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (cái, chiếc)			
					Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HĐ sự nghiệp		HĐ khác
					Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1- Tài sản ...											
2- Tài sản ...											
...											
Tổng cộng:											

....., ngày.... tháng.... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Trong các trường hợp sau đây phải thêm cột giá trị còn lại theo đánh giá lại:

- Điều chuyển tài sản nhà nước từ cơ quan, tổ chức sang đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính hoặc giữa các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.
- Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà tài sản đó chưa được theo dõi trẻ